

HÀ PHƯƠNG

chiếc nóp

tập
truyện &
ký

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÀ VINH
2003

ĐC. 85

H 150 PH

H À P H U Ờ N G

CHIẾC NÓP

Tập truyện & ký



W583/03

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÀ VINH
NĂM 2003

Đường lên chiến thắng

Đảng bộ Trà Vinh ta sớm có mặt trong trào lưu cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo từ 1925 rồi 1930. Được thể nghiệm thắng lợi trong chống Pháp với mặt trận dân tộc rộng rãi, sức mạnh đó càng được phát huy trong cuộc đánh Mỹ gay go và kéo dài hơn. Trước chính sách đàn áp khủng bố tàn bạo của tên đế quốc mới này, nhân dân ta càng thêm phần uất rồi giác ngộ, sẵn sàng theo cách mạng khi có thời cơ.

Nhờ thế mà toàn tỉnh ta và riêng thị xã, một địa bàn đồng bằng trống trải, chỉ với lực lượng của chính mình đã làm nên kỳ tích đáng tự hào là địa phương được giải phóng sớm nhất cùng lúc với thành phố Hồ Chí Minh hôm 30-4-1975 lịch sử, dù nguy quân được lệnh tử thủ của cấp trên với công sự kiên cố, có pháo lớn, xe bọc thép, súng đạn dồi dào. Quả đúng như lời của một nhà quân sự tài ba: Không đồn lũy nào vững chắc bằng lòng dân.

Tỉnh lỵ là đầu não địch, nơi tập trung mọi phương tiện đàn áp, khủng bố nên từ hồi kháng Pháp, ta đã lập đơn vị thị xã ngang chức năng cấp huyện với đầy đủ bộ máy theo dõi đối phó các âm mưu của địch. Ta có Đảng bộ với cơ quan lãnh đạo chung là Thị xã ủy, có Ủy ban kháng chiến, có Thị đội,

có Công an, các đoàn thể trong Mặt trận. Từ thời đó, cơ sở quần chúng, đã được tổ chức đều khắp các cụm dân cư, các hội đoàn, trường học và một ít công sở địch.

Các ấp ngoại ô như Mã Tiên, Mỹ Cần (nay là phường 7) Tri Tân, Long Bình v.v... nhờ có lực lượng nhân dân mạnh mà suốt thời kháng Pháp cũng như về sau này là vùng bất an cho giặc, ta thường về họp dân ban đêm, địch ít dám lùng sục. Có lần đồng chí Hai Giang, Đội trưởng Công an xung phong diệt một tên mật thám giữa ban ngày gần rạp hát (1949). Cũng như qua sự móc nối với cơ sở bên ngoài, anh em tù binh ở trại giam tại nhà máy Đông Thăng đã vượt ngục thành công gần 40 người (1951).

Sang thời đô hộ của Mỹ, sau khi đình chiến với Pháp, thị xã đã tổ chức phong trào bảo vệ hòa bình đòi thi hành đúng các điều khoản của Hiệp định Giơ-neo bằng các loạt truyền đơn, căng biểu ngữ. Để phá cuộc bầu cử bịp bợm đưa Diệm lên làm Tổng thống, ta còn cho nổ lựu đạn (do cơ sở binh vận thực hiện) tạo điều kiện cho dân chúng không đi bỏ phiếu. Mặt khác ta còn vận động bà con lén bán lũng mật Diệm in trên phiếu để làm cho nó không hợp lệ vừa biểu thị sự phản đối (1957).

Sau 1959, nguy bất đầu khủng bố mạnh, để cảnh cáo bọn ác, báo trước cuộc vùng lên của cách mạng miền Nam, trong tháng 5 ấy, cơ sở ta đã dựng cắm gương lá cờ búa liềm trên ngọn dương cao vút ở đỉnh phường 2 nay là Trung tâm văn hóa thị xã.

Rồi tới Đồng khởi và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời (20-12-1960), hoạt động đô thị càng ráo riết, đa

dạng với những cuộc đấu tranh của học sinh trung học chống bất lính, phản đối tên hiệu trưởng xấu rình rập học sinh bằng cuộc biểu tình ngồi tại bùng binh chợ.

Thị xã đưa đảng viên lỏng vào hoạt động trong các nghiệp đoàn: nghiệp đoàn bốc vác, xe lôi, giáo dục, tiểu thương v.v... bình vực quyền lợi cho giới lao động. Qua sự vận động giáo dục, chị em mua bán tại chợ Trà Vinh đã nhiều lần mạnh dạn hỗ trợ các đoàn từ huyện về đấu tranh trực diện với địch bằng cách tiếp tế nước, thức ăn hoặc kéo nhau đi theo để gây thanh thế. Các cuộc biểu tình của sư sãi Khơ-me cũng được ủng hộ như vậy.

Để khủng bố các nghiệp đoàn, giặc ám sát ông Cao Văn Năng, Chủ tịch của đoàn thể này, là một đảng viên được quần chúng tin tưởng, mến mộ. Sau đó, chúng hèn hạ tổ chức biểu tình vu khống cho ta làm việc ám muội. Đồng bào phản ứng không chịu tương các biểu ngữ dối trá của chúng viết.

Đặc biệt, Thị xã đã khéo lỏng vào các hoạt động tôn giáo để giáo dục quần chúng, mượn chuyện xưa vạch đã tâm xâm lược của Mỹ và bán nước của bọn tay sai nhân lễ tưởng niệm Hai Bà Trưng ở tỉnh xá Ngọc Vinh kể cầu Tiềm Tương. Hoặc lần khác, nhà thờ Thiên Chúa có lễ cầu hòa bình, ta cũng vận dụng để gây ý thức chống chiến tranh.

Cán bộ hợp pháp của ta trong Hội phụ nữ đã biết tranh thủ mời nhiều bà nhân sĩ tiến bộ có mối quan hệ rộng với các thương gia, vợ công chức, sĩ quan để vận động họ cứu trợ đồng bào chiến nạn, đưa họ tới chứng kiến một số nơi bị ném bom đốt nhà bừa bãi. Những dịp rằm tháng 7 âm lịch, Hội mời họ cùng đi thăm khám lớn để thấy chế độ giam cầm khắc nghiệt

đối với những người kháng chiến. Những việc làm đó, ít nhiều đã có tác động đến lòng nhân ái vốn có của giới nữ, góp phần điều chỉnh cái nhìn của họ về cuộc chiến để rồi tác động tốt đến chồng, con trong nguy quân, nguy quyền.

Nhờ thế trận chính trị vững chãi đó mà trong cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân 1968, lực lượng vũ trang ta được đưa vào an toàn đến từng mục tiêu và bảo mật tới giờ nổ súng. Trong trận đánh có một số chiến sĩ bị lạc đơn vị và bị thương được đồng bào nội ô che giấu, chạy chữa rồi đưa trở ra an toàn.

Vào giai đoạn chốt, chuẩn bị đón lấy thời cơ, Đảng bộ thị xã càng được củng cố với độ 40 đảng viên chia đều cho các cụm dân cư với số quần chúng được tổ chức gần 2.000. Có trên chục điểm mật che giấu cán bộ lãnh đạo từ Tỉnh ủy viên đến Thị xã ủy viên rải rác khắp nội ô. Một đôi nơi chỉ cách cơ quan tiểu khu của địch từ 200 đến 300 thước. Ngoài ra, cơ sở cài trong đội ngũ địch cũng khá dày, chặt.

Đêm quyết định, 30 tháng 4 năm 1975, không đầy nửa giờ từ lúc nổ súng, ta đã trọn vẹn chiếm giữ sân bay và đại đội pháo nặng ở đây, các mũi tiến quân đã xáp vào tận rìa nội ô. Đặc biệt một đơn vị đã êm thấm ngang qua đồn Dân vệ ở ấp Tri Tân (phường 6) đến chốt tại đầu xóm ngang rạp hát, cùng lúc với thắng lợi ở phi trường.

Tại đây, nguy quân có đến trung đội, đại liên trí trên tầng lầu. Dù không chống cự nhưng cứ dùng dằng không chịu ra hàng. Trời đã sáng mà bị cản trở, ta chưa thắng vào nội ô được, quá bức xúc, một chị quần chúng cơ sở đã mạnh dạn kéo

theo mấy chị vợ lính vượt lộ, áp vào vòng kềm gai, kêu gọi. Cuối cùng, họ chịu hạ vũ khí và đích thân các chị lên gác tháo khẩu liên thanh xuống giữa tiếng reo hò của mọi người.

Tám giờ sáng các nơi đã im tiếng súng, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng đã rầm rộ tại bến xe cũ phát phối cờ Mặt trận. Thân, đuôi đã êm re, nhưng cái đầu con rắn độc vẫn còn ngo ngoay. Ngại cảnh đập chuột bể đồ, một tu sĩ Khơ-me trong lực lượng khởi nghĩa, Đại đức Sơn Sara đưa sáng kiến đến giáp mặt tên Tỉnh trưởng Sơn gọi hàng và đích thân nhà tu hành cùng mấy cán bộ quân giải phóng lên một chiếc xe Jeep cải tiến mượn của dân, trương cờ giải phóng, dũng cảm tiến thẳng đến sở chỉ huy tiểu khu nguy. Lần đầu không thành, Đại đức cương quyết đi lần thứ hai mới thuyết phục được Nguyễn Văn Sơn, Tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng ra chùa Phướng gặp Ban chỉ huy chiến dịch để ký giấy đầu hàng và phát lời kêu gọi quân nguy các nơi làm theo.

Ngày cuối cùng kết thúc 21 năm đánh Mỹ ở tỉnh nhà và riêng thị xã Trà Vinh diễn ra đại thể như thế đó. Tại mặt trận chính này ta chỉ hy sinh 6 ở sân bay và 2 ở gần rạp hát do vướng dây điện đường bị đứt rơi xuống đất. Chiến thắng gần như trọn vẹn, kho tàng của địch còn nguyên, sinh mạng, tài sản nhân dân không chút thiệt hại.

Thành tích rực rỡ này là kết quả của quá trình lãnh đạo dài lâu của Tỉnh ủy, Thị ủy, sự kiên trì xây dựng bằng bao hy sinh của Đảng bộ và quần chúng trung kiên tại Thị xã trên tinh thần đoàn kết ba dân tộc Việt - Khơ-me - Hoa sống trên địa bàn, không phân biệt tôn giáo, giai cấp, biết phân biệt kẻ thù chính

với người lầm lỗi bị động. Đây là sự kết hợp tài tình sức mạnh của ba lực lượng quân sự, chính trị và binh vận ở Trà Vinh.

Nhờ hoạt động vũ trang trên toàn chiến trường miền Nam, những trận đánh táo bạo của bộ đội Trà Vinh vào Nhà đèn (1963), đánh chìm mấy giang thuyền sát cầu Long Bình (1967) tổng công kích vào hang ổ chúng (Mậu Thân 1968) v.v... mà địch bất ngờ ngang cướp bóc, đàn áp dân. Ngược lại nếu không có cơ sở quần chúng vững chắc thì khó khăn cho những trận đột kích vào nội ô, cũng như nếu thiếu khí thế mạnh mẽ của các cuộc đấu tranh chính trị đa dạng vạch mặt kẻ thù, phân hóa đội ngũ của chúng thì cuộc chiến ắt sẽ gay go thêm.

Đặc điểm khác ở Thị xã Trà Vinh, Đền thờ Hồ Chủ tịch tại Long Đức, đối với kháng chiến chẳng khác nào như Bác đang hiện hữu trước cháu, con, là sức mạnh động viên mãnh liệt cho chiến sĩ, đồng bào. Còn đối với địch, rõ ràng đó là lời thách thức, một ám ảnh khiến chúng phải lo sợ và khâm phục tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Mà cái sợ là bước đầu dẫn tới sự thất bại. Một đội quân gồm những tên xâm lược tàn bạo mà chính nhân dân nước họ cũng phản đối, hợp với số lính ngụy đánh thuê bị cưỡng bách, không có chính nghĩa để xả thân nên phải thua trận là điều tất nhiên.

Bí quyết để chiến thắng của Trà Vinh nói chung và thị xã nói riêng là ở những yếu tố nói trên. Với truyền thống đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất của cộng đồng Việt, Khơ-me, Hoa, tin rằng chúng ta sẽ lại thành công rực rỡ trong xây dựng vào những năm tới đây.

Về lại Mỹ Long

Cũng như cách hình thành nhiều xã khác, Mỹ Long là sự sáp nhập những làng nhỏ buổi đầu và tên gọi được chiết, ghép từ tên các đơn vị cũ. Trước tiên là hợp nhất Mỹ Thập với Phú Thứ thành Mỹ Thập Phú, rồi làng mới này lại nhập với Long Hậu mà ra xã Mỹ Long ngày nay.

Xã nằm sát sông Cổ Chiên, điểm trung tâm cách biển độ 20 cây số. Từ xưa đây là mối giao lưu với nhiều nơi khác trong và ngoài tỉnh. Nhờ ưu thế kề sông nước, Mỹ Long sớm có nghề đánh bắt thủy sản khá phát đạt. Trước đây, chủ yếu chỉ có đóng đáy nên chợ xã, nơi tập trung các phương tiện làm nghề vừa là điểm tiêu thụ sản phẩm được gọi nôm na là bến đáy, rồi thành danh từ riêng, quen thuộc với bà con các nơi khác, hơn là Mỹ Long, tên chỉ cả xã.

Những năm 1942 - 1943 Bến Đáy còn được đồng bào Vĩnh Long, Sa Đéc biết tới do thực dân Pháp mở trường thể dục, thể thao chung cho hai tỉnh. Trường sở này đào tạo cán bộ để nắm lấy lực lượng thanh niên trong âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam đang sôi sục chờ thời cơ lật ách thống trị. Nhưng gây ông đập lưng ông, đa số người học ở đây đã tham gia Cách mạng tháng 8, trở thành cán bộ có năng khiếu trong cuộc kháng chiến tiếp theo.

Giờ đây dân số ngày càng đông, xã lại quá rộng nên Mỹ Long được chia nhỏ ra làm ba đơn vị riêng rẽ: cụm trung tâm tức vùng chợ Bến Đáy thành thị trấn Mỹ Long với những đặc trưng một thị tứ; đầu trên thành xã Mỹ Long Bắc và mép gần biển là Mỹ Long Nam.

Tuy nhiên sự phân ranh lại, chỉ là thay đổi về mặt quản lý hành chánh, còn về tình cảm, đồng bào cả ba nơi đều vẫn tự xem mình là thành viên của đại gia đình Mỹ Long hào hùng tự thưở nào, chung niềm hãnh diện được Chính phủ tặng thưởng danh hiệu Xã anh hùng.

Dù phải đến tìm thông tin riêng rẽ ở ba đơn vị, kể cả phải đánh vòng về tận Bến Giá mới tới được Mỹ Long Nam (bởi đường từ Bến Đáy xuống bị lầy lội do các xe tải đất ra ngăn sông Thâu Râu) bản thân người viết cũng chẳng có cảm giác lạ lẫm nào. Và trong bài này, những nét riêng ở mỗi nơi được ghi như đặc điểm của từng cụm của một tổng thể.

Thực tế quả như vậy, lịch sử Mỹ Long là chuỗi dài thành tích in đậm lên từng xóm ấp: Bến Kinh, Mỹ Thập, Bến Đáy, ấp Nhì v.v... Không thể tách rời ra. Xóm Mương Khai (Đầu Bần) của Mỹ Long Nam ngày nay còn nhắc nhở hình ảnh cuộc kháng chiến của chí sĩ Trần Đề (Đề Triệu) tại vùng Cầu Ngang. Vào năm 1872 cụ bị giặc bắt tại xóm ven biển này rồi đưa về giết ngay chợ quận. Trước đó nghĩa quân dưới quyền cụ đã hạ sát một sĩ quan Pháp tại Bến Kinh.

Tiếp theo, phong trào Thiên địa hội lại lan tới đây, kéo dài từ năm 1913 đến năm 1919 do ông Bồi Rầy (Hương sư Rầy) cầm đầu, sôi động hơn cả là ở Long Hậu, Mỹ Thập, làm cho làng, lính hết sức lo sợ. Vị tiền bối cách mạng này rồi cũng bị Pháp bắt giết. Nhưng hào khí Mỹ Long vẫn không tắt, chờ thời cơ để lại bùng lên.

Rồi đến Nông hội đỏ do ông Dung Văn Phúc (Dương Quang Đông) tổ chức vào năm 1925 đưa quần chúng nông dân ra đấu tranh đòi chủ điền giảm tô, chính quyền thực dân giảm sưu thuế, bỏ thuế dân, được nhân dân lao động hưởng ứng mạnh. Sang năm 1927 một số trung kiên được chuyển thành hội viên Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, tiền thân Đảng Cộng sản. Tháng 10 năm 1930, tiếp theo An Trường và tỉnh lý, chi bộ Cộng sản đầu tiên của Mỹ Long được thành lập tại xóm Mương Khai lịch sử kể trên.

Đảng bộ Mỹ Long có nhiều cơ sở bí mật khắp xã, song có một điểm sát hương lộ từ Bến Đáy ra Cầu Ngang thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, là nơi ông Dung Văn Phúc thường lui tới ẩn náu và tổ chức nhiều cuộc họp cấp xã, huyện, tỉnh. Đây là công trạng của vị sư nữ trụ trì Dương Thị Phụng, con của một gia đình cách mạng tại xã. Cơ sở này là chùa Giác Linh (chùa Dơi) phục vụ phong trào Mỹ Long suốt từ 1930 tới Cách mạng tháng 8-1945. Nay được công nhận di tích lịch sử.

Số cư dân đầu tiên đến đất Mỹ Long này lắm người là tàn binh của Bình Tây Nguyên Soái Trương Định trốn tránh sự trả thù của Pháp và tay sai. Tinh thần yêu nước của họ đã lưu lại bao thế hệ sau để xuất hiện trong thời kỳ mới nhiều cán bộ kháng chiến trung kiên ưu tú qua nhiều giai đoạn.

Năm 1946, ông Dương Công Nữ, người con ưu tú của quê hương Mỹ Long, Phó Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh sa tay giặc. Ông đã hiên ngang đấu lý với tên tham biện Pháp để rồi chịu bắn, giữ vẹn khí tiết trước sự nể phục của bọn lính.

Với truyền thống lâu đời nói trên, quần chúng nông dân đã hưởng ứng theo cách mạng rất đông, không sờn lòng những lúc khó khăn. Có thể nêu lên một tiêu biểu, gia đình cụ Huỳnh Văn Lộng,

một trong tám đảng viên cộng sản đầu tiên của xã. Cả ba thế hệ tiếp nối cụ Tư Long đã tham gia kháng chiến mà nhiều người đã có công trạng lớn. Cụ Hồ Văn Biện cũng thuộc chi bộ đầu tiên của xã, đeo đuổi cách mạng từ thiếu thời đến tận sau đại thắng xuân 75 mới nghỉ hưu với tuổi quá bát tuần.

Đảng bộ Mỹ Long còn sản sinh một số cán bộ kiên trung trong giới trí thức, gia đình giàu có như ông Nguyễn Duy Khâm nguyên Tỉnh ủy viên, lãnh trọng trách Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Nhân dân tỉnh sau Cách mạng tháng 8.

Suốt hai cuộc kháng chiến, Mỹ Long (cũ) đã dâng hiến cho Tổ quốc 751 liệt sĩ, 248 thương binh. Trong số tàn tật này có hai vợ chồng đều được xếp hạng 1/4, anh mù cả hai mắt, chị hỏng một con và một bên tay, chân bị què quặt. Đó là anh Lê Văn Lục và chị Cam Thị Cúc đã kiên trì phấn đấu vượt qua khó khăn, tự lực xây dựng đời sống gia đình. Anh vừa mất trong năm rồi tại nhà ở ấp Nhì, Mỹ Long Nam.

Mỹ Long còn có 2 Anh hùng quân đội: Nguyễn Văn Hưng (Hai Phát) người ấp Mỹ Thập, Mỹ Long Bắc và Nguyễn Văn Cống (Út Ruộng) ấp Nhì, Mỹ Long Nam. Về gia đình liệt sĩ, đáng cảm kích nhất là bà mẹ anh hùng Đoàn Thị Nhơn ở Bến Kinh, Mỹ Long Bắc, liên tiếp khóc chồng và 5 con hy sinh đến mù lòa đôi mắt.

Là một xã mạnh nhất của Cầu Ngang trong nhiều mặt thời kỳ kháng Pháp, sau Hiệp định Genève lại dũng cảm đương đầu với Mỹ, Diệm đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống cuộc trưng cầu dân ý 1956 của chúng. Do đó mà trong giai đoạn “6 năm chính trị” bị Tỉnh trưởng ngụy của Trà Vinh xem là một gai nhọn trước mắt. Chúng đã đưa mấy trăm lính bảo an, cảnh sát, công dân vụ và động viên cả lực lượng công chức tới đây mở màn chiến dịch

tổ cộng đầu tiên. Chúng lùng bắt một số cán bộ nằm lại của ta, một số gia đình có chồng con đi tập kết, những người cảm tình với cách mạng đưa đầu tổ tại ấp Nhì. Chúng đe dọa, khủng bố tinh thần, cả tra khảo để tìm phá tổ chức của ta. Nhưng trước sự kiên trung của cán bộ, của quần chúng, bí mật được bảo vệ. Kế hoạch thâm độc của Mỹ, Diệm bị thất bại.

Và hào hùng nhất là giai đoạn từ năm 1960 - 1974.

Chỉ trong hai ngày 14 - 15 tháng 9 năm 1960 bằng nội lực, du kích xã và sức mạnh quần chúng kết hợp binh vận, đảng bộ, quân, dân Mỹ Long đã thành công trong trận mở màn “Đồng Khởi” tại Trà Vinh, bất chấp mọi khó khăn, dám hy sinh cả xương máu, ta đã bắt trọn vẹn cả số lính làng tại Bến Đáy gồm hơn 30 tên cùng toàn bộ vũ khí đạn dược. Liền mấy hôm sau đó lại đánh thắng quân cứu viện, bẻ gãy lần đầu ý đồ tái chiếm của giặc.

Sau đó chúng đóng đồn lại, Mỹ Long lại bao vây bức rút hai phen nữa để cuối cùng vào ngày 8 tháng 12 năm 1974 buộc chúng rút chạy lần chót. Mỹ Long sạch hết bóng thù từ ngày về vang đó để chiết rút bớt lực lượng của mình tăng cường cho mặt trận giải phóng thị xã.

Rõ ràng là thuật kể chuyện Mỹ Long tức lật lại những trang sử vàng.

Trở lại thăm Mỹ Long vào giữa tháng 4-1999 này, người viết bài rất phấn khởi trước công trình làm mới hương lộ từ Bến Đáy ra Quốc lộ 53. Một ước mong tha thiết của bao người đang dần thành hiện thực. Hy vọng vào dịp cúng biển ngày 12 tháng 5 âm lịch tới đây xe của bà con các nơi được lăn bánh nhẹ nhàng về cùng tham dự. Ngoài lễ Ok Om Bok của bà con Khơme vào tháng 10 âm tại Ao Bà Om, đây là lễ hội duy nhất của đồng bào Trà Vinh

quy tụ lượng người đông đảo nhất. Liên tiếp từ 10 đến 12 mỗi ngày có đến vài chục ngàn du khách vui chơi hoặc cúng kiến tại chùa bà Chúa Xứ nằm bên hông chợ Bến Đáy. Đông vui nhất là trưa ngày lễ tất, hàng vài chục chiếc tàu với cờ xí rực rỡ cùng tiến ra xa trên dòng Cổ Chiên làm lễ đưa Nam Hải tướng quân về biển (tức thần cá voi).

Trong ba đơn vị mới tách ra từ Mỹ Long xưa, thị trấn là sung túc nhất. Ngoài việc mua bán vốn có lâu đời, còn nguồn lợi thủy sản to lớn với 294 thuyền máy (có 63 chiếc 90 mã lực, 36 chiếc 60 mã lực, đủ sức đánh xa bờ) cộng 358 dàn cào với 1.325 miệng đáy.

Lực lượng tàu này có 37 chiếc được tổ chức thành Hải đội 97 do Đồn biên phòng 618 chỉ đạo để kết hợp bảo vệ vùng biển của ta, để phòng bọn xâm nhập trái phép, bọn buôn lậu và đánh bắt trộm hải sản.

Sau bão số 5 (1997) ngân hàng tỉnh đã cho ngư dân ở đây vay 3,1 tỷ dùng đóng mới và nâng cấp được 22 phương tiện. Nhờ vậy mà sản lượng đánh bắt năm 1998 rất khả quan. Nếu năm 1992 được chung 5.500 tấn (gồm 600 tấn tôm) thì năm vừa rồi thu hoạch 10.400 tấn (có 822 tấn tôm). Rõ ràng là một sự hứa hẹn cho những mùa tới.

Tuy thu nhập chung của thị trấn qua nguồn lợi thủy sản và dịch vụ có khá nhưng đang còn tỷ lệ hộ nghèo đến 16% cụ thể là 217 trên 1.346 hộ. Hình ảnh những căn nhà lụp xụp nằm kề những biệt thự sang trọng khiến cho nhiều người có cảm giác nao nao.

Tôi lại sang Mỹ Long Bắc. Dọc đường thấy bà con đang thu hoạch đậu phộng một nguồn nông sản mạnh của xã. Hỏi thăm, được biết mỗi công đậu cho lãi ròng trên dưới một triệu và ruộng

ở đây làm được hai vụ lúa, một vụ màu, sản lượng lúa chung của cả hai vụ được từ 8 đến 9 tấn mỗi héc ta. Tuy nhiên có nhà không đủ đất làm nên vẫn còn một bộ phận người phải làm thuê. Mấy bà con đang nhổ đầu cho biết bình quân một ngày công lao động được 15.000 đồng và không phải lúc nào cũng có việc để làm. Tỷ lệ hộ nghèo ở Mỹ Long Bắc còn gần 20% với 353 trên tổng số 1.692 hộ.

Là xã mới tách, tiện nghi đời sống nhân dân chưa hoàn bị. Mới 4 trên 6 ấp có điện lưới, trường cấp 1 mới có 4 điểm, chưa phủ hết địa bàn và trạm y tế có sẵn lại thiếu cán bộ.

Trên 1.100 ha đất vừa cấy lúa vừa trồng màu, bà con không phải ai cũng có vốn mà ngân hàng đã cho vay trong năm 1998 được 1 tỷ 3. Các đồng chí ở xã cho biết việc thu hồi vốn khá tốt, ít có nợ dây dưa khó đòi. Nhưng bà con mong hạn vay được nới rộng và mức tiền được khá thêm, sẽ dễ hơn trong việc canh tác, chăn nuôi. Xã đang vận động đồng bào phá vườn tạp trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế hơn. Hiện có một số hộ trồng táo, xoài, tính chung được vài ba héc ta, kết quả rất khả quan.

Cơ quan của Mỹ Long Nam nay đặt tại ấp 5 giáp xã Hiệp Mỹ. Nơi đây vừa ngăn dòng sông Thâu Râu hồi giữa tháng 4 trước. Để tháo, mở nước, một con kinh dài được đào hình vòng cung cách đập chặn vài trăm thước tạo nên một cảnh quan mới rất đẹp mắt. Trên mặt cống có cầu vượt nối liền hai bờ kinh, có phần bề thế hơn ở đập Tầm Phương. Công trình thủy lợi này sẽ cho cánh đồng Tây của xã gần 1.000 ha làm được hai vụ lúa.

Mỹ Long Nam hiện là xã nghèo hơn cả trong ba anh em chung đại gia đình Mỹ Long cũ nhưng với vùng đất sắp được rửa mặn, rửa phèn nói trên và diện tích rừng hơn 5.000 héc ta đang từng bước được giao cho dân phát triển và khai thác kết hợp nuôi tôm,



trong tương lai gần, hy vọng đời sống đồng bào nơi đây sẽ được cải thiện.

Với đập ngăn sông Thâu Râu, rồi đây sẽ có đường liên dẫn ra Quốc lộ 53, bộ mặt Mỹ Long Nam sẽ nhanh chóng đổi thay, không còn là địa phương xa xôi khó đến như thuở nào.

Qua hai ngày về thăm lại Mỹ Long xuyên ba đơn vị hành chính mới, người viết nhận thấy nếu tính chung trên tổng thể thì còn đến 17 - 18% hộ nghèo, tuy nhiên với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, tin rằng trong đôi năm tới toàn bộ địa bàn Mỹ Long ngày nào sẽ chuyển biến mạnh.

Với lộ mới khang trang từ thị trấn ra Cầu Ngang, đường về Mỹ Long Nam được cải thiện, lại nối liền với xã bạn Hiệp Mỹ sẽ đẩy mạnh dịch vụ mua bán trao đổi sản phẩm với nơi khác. Đồng thời, như các nhà kinh tế thường nói "Trong kế hoạch phát triển địa phương, giao thông phải đi trước một bước" thì một khi đường sá thuận tiện sẽ có những nhà kinh doanh tìm tới để làm ăn.

Những động cát dọc triền sông ở ấp Nhì, Mỹ Long Nam rất có thể sẽ trở nên điểm du lịch nhỏ gọn (mini) cho bà con thị xã, nhất là học sinh các dịp lễ hay nghỉ chủ nhật. Bà con sẽ dạo chơi trên bãi xem ngư dân đẩy xip hay bắt sò bằng cách ngồi một chân trên tấm ván trượt và di chuyển bằng chân kia, lướt trên mặt bãi bùn để nhặt từng con sò, vọp. Sau ngấm sông nước, bà con sẽ vào xóm ăn táo, đào rất nhiều ở đây và tìm hiểu cuộc sống của địa phương.

Với nguồn nông sản phụ khá dồi dào như đậu phộng, toàn vùng có hơn cả trăm ngàn gia mỗi năm, bán thẳng cho tư thương chỉ được trên dưới 50.000 đồng một gia. Nếu địa phương vận động

số người có tiền hoặc mời nơi khác đến đầu tư lập ra vài cơ sở làm bánh kẹo qui mô hơn mấy hộ hiện có ở Mỹ Long Bắc để chế biến thành thực phẩm đóng gói, tất nhiên sẽ tăng nhiều nguồn thu nhập cho xã. Trên thị trường hiện một ve nước cốt cà chua được chế biến để ăn lâu ngày, chỉ 100 gờ ram giá đến 4 - 5 ngàn đồng, trong lúc cà chua của ta lúc đông ken chỉ 200 tới 300 đồng một ký lô. Đó là những bài toán nghĩ rằng có thể giải được để cải thiện đời sống ở nông thôn.

Nói chung, như đã tổng quát nhìn qua hiện trạng và tiềm năng của ba đơn vị mới tách ra từ Mỹ Long xưa, với kế hoạch điện khí hóa, với những kỹ thuật trong nuôi, trồng ngày càng được phổ biến rộng, kết hợp với bản chất cần cù, kiên nhẫn của đồng bào sở tại, tin là cuộc sống sung túc hơn sẽ sớm đến với vùng ven biển này.

Riêng tại thị trấn Mỹ Long, được biết có đến 40 - 50% số hộ có con em ở nước ngoài. Đó là một nguồn lực quan trọng mà ta chưa huy động được. Theo anh Hai Liễm, Bí thư Đảng ủy, những bà con nói trên đang nảy ra khuynh hướng tranh đua nhau xây nhà cao tầng, xây biệt thự, nhà mồ và tổ chức yến tiệc linh đình. Trong này lắm nhà vốn có truyền thống tốt xuất thân từ lớp nghèo, hy vọng lòng yêu quê hương của họ chưa tắt để tới lúc nào đó sẽ đóng góp nhiều hơn cho việc xây dựng xứ sở.

Mong sao giữa mảnh đất Mỹ Long hào hùng này không xảy ra hai cảnh sống, một bên xa hoa đua đòi, một bên lam lũ khó khăn. Một bức tranh xốn mắt thuở xa xưa. Bà con ta rồi sẽ chung lòng góp sức kiến thiết lại quê nhà trong tình nghĩa chứa chan.

Trại sáng tác văn học 1999
Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Trà Vinh

Cái Già - Một căn cứ kháng chiến trước mũi địch

Những năm 70 trước ngày toàn thắng, các tổp sĩ quan nguy đi từ Tiểu khu Vĩnh Bình xuống, khi ngang khoảng đồng nhỏ giáp xóm chợ Hiệp Mỹ, đều không thể làm ngơ lúc nhìn sang trái vào rặng cây xa (cách lộ xe hơn cây số). Lộng nổi giữa nền trời sáng trong, một lá cờ Mặt trận giải phóng miền Nam ngạo nghễ bay, phơ phất màu xanh đỏ tươi thắm.

Những tên chính cống tay sai của Mỹ rất tức tối trước sự có mặt của Việt cộng ngay mũi của chúng. Trái lại, những người bị cưỡng bách khoác áo nguy quân, ít nhiều có lòng với xứ sở hẳn đã vui ngẫm, hy vọng là ngày hòa bình không còn xa xôi nữa.

Nơi đó là con giồng cát dài hơn 4 kilômét, chiều ngang không đều, chỗ phình ra cỡ 400 - 500m, nơi tóp lại chừng 100m. Cặp một bên về hướng Đông còn một nhánh hẹp gọi là giồng Bà Yên, lấy từ tên cụ bà là người tới ở nơi đó trước nhất. Hai đầu dải đất này cách nhau ngoài một cây số và gắn liền với giồng lớn, như vòng tay bao bọc dây ruộng hẹp. Nếu được bay bổng lên mà nhìn xuống ất sẽ thấy hình một chiếc đàn có quai xách.

Cả hai con giồng mang tên chung là Cái Già, một ấp của xã Hiệp Mỹ, huyện Cầu Ngang, khi tách đôi, lúc nhập lại.

Giờ thì thành hai ấp riêng: Cái Già Bền, chân đưng dòng rạch nhỏ làm ranh với ấp Lồ Ổ cùng xã, phía còn lại là Cái Già Trên. Từ đầu ấp này, nhìn qua cánh đồng rộng chừng cây số đã thấy địa phận Mỹ Hòa, xã trung tâm của huyện, nơi đặt cơ quan tiểu khu của ngụy quân trước kia.

Theo lời các bô lão, thuở nơi đây còn hoang vu rừng rậm, cư dân thưa thớt, tại đầu Cái Già Bền, có người bắt gặp một con cọp cái già chết rũ. Nghĩ chúa sơn lâm là con vật thiêng, các cụ lập miếu tại chỗ để thờ. Kỵ húy, miếu cọp cái già được bỏ đi chữ cọp, nên còn lại là Cái Già, sau được lấy làm tên gọi cho cuộc đất. Ngôi miếu xưa, qua lửa đạn, giờ chẳng còn nữa.

Ruộng bao quanh ấp bị nhiễm mặn từ lâu, trên cạn là dạng giống cát bạc màu nên chẳng có loại cây quý. Chỉ thấy một ít đào (điều), dừa, những luống trồng màu và những lớp tre phân chia từng vuông đất ở.

Thuộc nhóm xã có chi bộ Đảng sớm ở Cầu Ngang, nhân dân Hiệp Mỹ từ lâu đã được giác ngộ ý thức dân tộc mà Cái Già là ấp nghèo hơn hết nên càng dễ tiếp thu tư tưởng cách mạng.

Sau Hiệp định Genève 1954 chấm dứt chiến tranh chống Pháp, dù theo nội dung ký kết, ta không còn chính quyền nhưng bà con ở đây vẫn sinh hoạt làm ăn trong tình gắn bó xóm thôn dưới sự lãnh đạo của cán bộ còn bí mật nằm lại và được đồng bào che chở.

Đông khởi 1960, bót làng Hiệp Mỹ bị du kích và nhân dân bao vây phải ra hàng. Nhưng nửa tháng sau chúng chiếm lại,

đồng thời đóng đồn luôn ở nhiều điểm của xã, trong đó có ấp Cái Già, ngày 27 tháng 9 năm 1960.

Trước thế chuyển lên của cách mạng, giặc ra tay khủng bố, o ép để gom dân về quanh bót cho tiện bề kiểm soát và cách ly với cán bộ. Tuy nhiên bà con đã đấu tranh: “Vô đây tụi tôi lấy gì sống, các ông có nuôi nổi không?”. Vậy là đồng bào cứ giăng co để ở lại nhà. Một số cơ sở được vận động làm hầm bí mật, làm vách đôi để che giấu anh em len lỏi hoạt động và lăm nhà rất nghĩa tình, dám liều mạng để bảo vệ.

Có lần bọn lính trở đến bất ngờ, ông Chín Nhứt cán bộ huyện đang ở tại nhà ông Trần Văn Thịnh vội vào chỗ ẩn. Giặc ập vào lục soát, thấy trong chiếc áo măng ở lưng ghế đai có giắt cây viết bơm liền hạch hỏi chủ nhà. Ông Tư bảo là của thằng con rể. Một tên xách tang vật ra ruộng tìm anh ấy để xác minh. Nào hay tự sự, người được hỏi lắc đầu không nhận bởi đâu phải của mình. Vậy là chúng đề ông Tư xuống tra khảo, ông cương quyết phủ nhận lời cáo buộc chứa chấp Việt cộng. Đánh đã không ra mối, giặc kéo ông về đồn tiếp tục thẩm vấn. Thừa cơ hội người cán bộ thoát đi. Ông Tư Thịnh sau đó bị giải đi tù một thời gian.

Năm 1963, sau khi đồn Cái Già bị Chủ lực tỉnh kết hợp địa phương quân Cầu Ngang diệt gọn, bắt ngoài 30 tù binh và toàn bộ vũ khí, địch cắm tức đóng lại, vừa xây lô cốt chốt luôn ở hai đầu con giồng và lập ấp chiến lược, bắt dân về ở bao quanh, làm lá chắn cho chúng.

Để phá thế kềm kẹp của địch, du kích xã chỉ có một bán tiểu đội kết hợp cùng tiểu đội của ấp liên tục bắn tỉa bằng

súng trường những tên lính ló ra khỏi bót. Mỗi lần như thế chúng đáp lại bằng những trận mưa đạn, nhiều khi xối cả vào nhà dân. Đồng bào mượn cờ đỏ để kéo về vuông. Đối phó với áp chiến lược của giặc, ta xây dựng xã chiến đấu. Trai tráng, các chị em phụ nữ trẻ cũng tham gia với du kích và cán bộ áp đào chiến hào bằng hai tuyến: vòng ngoài hình miệng bát rộng để cản xe lội nước, vòng trong đủ sâu bảo đảm an toàn để di chuyển khi chiến đấu. Hào còn rấn sát quanh đồn kềm chặt không cho giặc đi sục sạo vào nhà dân.

Những viên đạn “mồ côi” của các tay bắn tỉa là nỗi sợ hãi cho lính ngự. Lại còn những trái nổ hãi hùng hơn từ đâu chợt bay đến mà không nghe tiếng “đề pa” (tiếng nổ của ngòi tống) rơi xuống sân hay nóc bót với độ sát thương cao. Đó là những quả lựu đạn bắn từ xa 120m - 150m nhờ chiếc giàn thun lớn bằng hai cây tre bắt chéo nhau (mô phỏng theo cây giàn thun bắn chim của trẻ nhỏ). Kết hợp với những cuộc phát loa kêu gọi chỉ rõ nẻo chánh tà, ta hoàn toàn vô hiệu hóa bọn địch trú đóng. Cơ quan của xã, cả của huyện có thời gian dài đứng chân tại ấp.

Mấy bận địch hành quân giải tỏa với trực thăng và xe lội nước yểm trợ đều thất bại. Cuối cùng sợ bị cường tập mất người, mất của như lần trước, chúng đành thúc thủ, phải rút bỏ đồn Cái Già bị vây khốn triền miên.

Sang 1969, Hội nghị Paris được mở, để lấy thế cho đồng bọn có trách nhiệm đàm phán, Tiểu khu Vĩnh Bình quyết lập công, chiếm đóng lại, xóa sổ cái căn cứ rất phiền toái của du kích cộng sản, kề bên Chi khu Cầu Ngang này.

Tin quân báo đưa về là địch tập trung quân tại chợ Hiệp Mỹ với 4 khẩu ca nòng 105 ly ghéch nòng ra hướng Cái Giã. Xã đội trưởng Trần Văn Công họp ngay ban chỉ huy cùng ấp đội để bàn phương án tác chiến.

Sáng hôm sau, qua đợt mấy chục quả pháo dọn đường, cả chục chiếc xuồng trưng dụng của dân đưa bộ binh từ mép bờ đối diện sang bến Cái Giã. Phán đoán là khi sang sông địch sẽ tập trung lại để bắn bạc trước khi triển khai đội hình. Hai Công đã chờ sẵn bằng một quả mìn cải biến từ trái đạn ô bi lép ngay giữa khoảnh đất trống gần nơi chúng đổ bộ. Quả không sai, chúng bị liền đòn phủ đầu với hơn chục tên thương vong.

Còn chưa thấm đau, giặc cố dè dặt tiến lên từng bước, mãi tới chiều mới đến được mép giếng, tổ chức phòng ngự chờ hôm sau. Trong đêm tao ngộ đầu tiên, đội du kích Cái Giã đã đón những kẻ không mời mà đến này với những quả lựu đạn rải rải gởi vào bằng giàn thun khiến cả bọn thức suốt tận sáng. Đêm này Hai Công còn thử nghiệm giàn phóng tự tạo do công trường xã làm để chào khách bằng mấy quả bom 105 ly lép được gắn thêm ngòi tống.

Dạo ấy ô bi tịt ngòi nhiều, giúp cho Cái Giã và nhiều nơi khác cải biến thành mìn hoặc hỏa tiễn, để rồi “gậy ông lại đập lưng ông”. Đó là công trạng của Huỳnh Chí Thiện, một đảng viên được cài vào hàng ngũ địch. Sau ngày anh tổ chức cuộc khởi nghĩa của đơn vị pháo binh ngụy ở Tầm Phương (Châu Thành) chúng ta mới hiểu nguyên do.

Cố gắng tiếp mấy hôm với trực thăng yểm trợ và xe lội nước chi viện hỏa lực, địch cũng không phá được phòng tuyến

của ta. Đến sáng ngày thứ bảy, được tin quần chúng rằng địch lộ vẻ sắp rút quân, du kích liền tập trung mọi phương tiện để tấn công tổng khởi. Ngoan cường qua 7 ngày chiến đấu bảo vệ căn cứ, du kích Cái Già, bằng vũ khí thô sơ, lực lượng nhỏ nhoi đã thắng một trận càn lớn của ngụy quân gấp bội đông về người, mạnh về phương tiện.

Sau chiến tích, Xã đội trưởng Trần Văn Công được mời về tỉnh báo cáo điển hình và Xã đội Hiệp Mỹ được nhận cờ thưởng luân lưu. Cũng trong trận này nổi lên một tấm gương kiên cường của quần chúng. Nguyên là địch bắt một cụ ông lớn tuổi dẫn đường bởi định ninh là người sống tại chỗ ắt biết lối đi an toàn. Dắt đi một lát, cụ giả dừng lại để tiểu tiện. Thấy ông già đã lụm cùm, bọn chúng chẳng nghi ngờ gì, cứ từ từ tiến bước... vào tử địa. Đợi một lúc, cụ nhập vào bọn đi sau. Và khi cả toán địch hoảng loạn vì bãi lầy phát nổ, người dẫn đường gan dạ và khôn ngoan vội tách vào ngô rậm thoát thân. Đó là cụ Nguyễn Văn Triệu, hồi đó đã gần thất tuần.

Đầu 1970, Đào Văn Quang một sĩ quan sừng sỏ của Tiểu khu Vĩnh Bình lại tổ chức cuộc tiến công nữa. Giờ xuất kích, trước hàng quân y thể thốt nếu lần này không đóng chốt được ở Cái Già sẽ tháo trả lon thiếu tá.

Thận trọng từng bước đi, chỉ non cây số mà mãi tới trưa ban chỉ huy mới tiếp cận bìa giồng. Gặp bóng mát, cả bọn ngồi lại định xem bản đồ hành quân, thì ầm một tiếng đinh tai, quả pháo 105 vốn của Mỹ được du kích cài sẵn nổ tung. Toàn bộ sậu bị bắn ra xa, nhầy nhựa máu. Tên Quang, một cố vấn Mỹ, mấy sĩ quan tùy tùng chết tại chỗ. Rắn mất đầu, cuộc lần chiếm phá sản.

Ít lâu sau, nhân một tên mất chất ra hàng, Chi khu Cầu Ngang vội mở cuộc càn thứ ba vào ấp. Tốp mở đường đi trước, ban chỉ huy còn đang rút rè với tên chỉ điểm tại nơi đổ quân. Lân quân một hồi chúng đập trúng, cũng lại một trái ô bi cải biến. Nhiều tên bị banh xác, gã phản bội bị ném xuống rạch. Ý đồ tội ác lại không thành.

Dù thất bại liên tiếp mấy phen, nhưng cố lì giặc gắng dựng lên một lô cốt ở bờ rạch đụng mặt với ấp Lồ Ổ mà xa với con giồng bên đây, song cứ bạo miệng xưng là bót Cái Già, trong lúc bà con gọi là bót Đục. Lô cốt này chỉ đứng để được điểm danh báo cáo về thượng cấp chứ không tác dụng quân sự nào cả. Lính trú hầu hết là Khơme, theo đạo Phật, cán bộ ta, cả bà con qua lại đã khéo léo lấy chuyện nhân từ, làm ác gặp ác để khuyên nhủ. Vả lại nằm chơi loì một mình họ cũng ý thức được thân phận mình để nằm yên chẳng dám sục sạo đi đâu.

Và mùa khô năm 1973 bót Đục lại bị bao vây bức rút cùng với đồn Cái Già trên còn cố bám nằm lại qua giai đoạn trước. Thế là trọn vẹn con giồng Cái Già được hoàn toàn giải phóng từ đó.

Vì xã Hiệp Mỹ chưa có tập sử chính thức với số liệu và thời điểm rõ ràng, chúng tôi viết bài này qua sự hồi nhớ của các cán bộ quân sự và chính trị của xã từng chiến đấu, công tác tại ấp Cái Già. Các sự việc trình bày ở đây có thể thiếu lớp lang theo như thực tế xảy ra nhưng đều do các nhân chứng lịch sử cung cấp cho, hẳn là đúng với sự thật.

Không câu nệ về sự chuẩn xác ở con số và thời gian, người viết muốn giới thiệu lên đây giá trị tinh thần trong cuộc chiến

đấu quyết liệt và bền bỉ của Đảng, quân, dân của ấp Cái Già với địa thế trơ vơ trống trải như hòn đảo giữa biển khơi. Bằng lực lượng du kích xã non chục người trang bị vũ khí nhẹ (chủ yếu là loại thô sơ tự tạo của công trường xã như chông, đập lôi, mìn, lựu đạn) cùng tiểu đội của ấp đã nhiều lần đẩy lùi bọn đi càn đông hơn về số, mạnh hơn về khí tài và bức rút các bót, lô cốt xây kiên cố.

Nếu không có sự giác ngộ đúng mực về trách nhiệm chiến đấu, họ không thể chịu nổi những trận đánh phá thường xuyên của địch, những cơn mưa pháo hàng vài mươi quả, những cuộc xạ kích của trực thăng, nhất là các khó khăn gia cảnh suốt thời gian dài.

Ngoài yếu tố trên còn phải nói đến sự đồng tình ủng hộ của nhân dân. Hệ thống hầm hào chiến đấu có thể kéo dài đến 4 cây số, rồi rấp ngõ rào đường, vót chông v.v... ví như không có bàn tay góp công sức và đùm bọc, nuôi dưỡng của đồng bào, ất thành tích của Cái Già không thể đạt được mức độ như đã kể qua.

Nếu như người ta thường nói “Giặc tới nhà đàn bà cũng đánh” thì ở Cái Già có trường hợp “Áo dà cũng đánh”. Đó là tấm lòng của ông Nguyễn Văn Cấn, dù nẫu sông, tu tại gia cũng bức xúc lãnh chông, đập lôi đi gài mỗi khi có giặc càn.

Giới thiệu gương ông Cấn, ông Triệu, ông Thịnh làm điển hình cho bao hành động khác của bà con, chúng ta thấy rõ là gian khó mấy, khi có sự góp sức của nhân dân cuộc chiến đấu ất phải thành công. Và chính bà con đã góp phần với Đảng bộ và lực lượng vũ trang ấp Cái Già để làm nên thành tích chung

cho Hiệp Mỹ được nhận danh hiệu “Xã anh hùng” do Trung ương ban thưởng từ 1977.

Dù đã đôi lần nghe kể về địa danh anh hùng này, thế mà hôm đến thăm, đứng trên thực địa ấp Cái Già, người viết càng nghe lòng dâng lên nỗi cảm hoài rào rạt. Nhìn cây lá lao xao, tôi nghe như còn phảng phất đâu đây âm vang những con người khả kính đã nằm xuống vì sự nghiệp bảo vệ xóm làng. Dọc theo đường thôn, tôi lại bắt gặp bao gương mặt đáng yêu quý của những nông dân hiền hòa, mộc mạc đã từng chịu đựng lắm cam go để bám ấp ủng hộ các chiến sĩ du kích đánh trả kẻ thù. Có đến 70 hay 80% số gia đình ở đây lại từng tiễn đưa chồng con chiến đấu ở khắp miền xa.

Và đây, những con người viết nên lịch sử, từng cầm súng hay chỉ huy bảo vệ căn cứ Cái Già. Giờ đây, trở lại cuộc sống đời thường, sao mà bình dị, thân thương quá, các anh thuật lại chuyện kháng chiến như kể một cổ tích trong kho tàng văn hóa chung chớ không tỏ biểu hiện về “Cái tôi” trong lời nói. Quên của mình, các anh hay nhắc tới hành vi của đồng đội. Tính cách đó rõ ràng xuất phát từ tấm lòng vì dân mà chiến đấu, vì toàn cuộc mà hy sinh, xem hành động chiến đấu là lẽ sống như cần hít thở để sinh tồn vậy.

Trên lộ trình dọc đường về, gặp những bụi tre bị bật gốc ngã lệch vào bên trong, những cây cao bị cắt ngọn tiện cành, tôi chợt ngỡ bom giặc vừa rơi gây sự đổ vỡ. Nhưng không, đây là công đoạn dọn trống cho kế hoạch điện khí hóa. Một số trụ xi măng đã đặt rải dọc đường và có một số cột đã dựng xong đang vươn cao để nhìn sự mừng rỡ của bà con. Quả là một giấc mơ lành đang dần trở thành sự thật.

Đến ngõ ra vào đầu trên của ấp, nhìn tấm biển lớn bằng xi măng với dòng chữ to “Ấp Cái Già - căn cứ cách mạng những năm 1960 - 1975”, tôi nghĩ đó vừa là lời khiêm tốn báo công lại vừa là tiếng thì thầm mong mỏi của đồng bào, của mảnh đất từng chịu gian khổ 15 năm ròng rã trong chiến tranh.

Điện sắp về tới rồi, hoan hỉ biết bao. Còn lại nỗi bức xúc từ bao thời là con đường về xã, tuy ngắn mà cách bức đồ giang, bội phần khó khăn hơn khi mưa gió lầy lội. Phải chi có được nhịp cầu thay thế cho chiếc đò ở bến Cái Già, ắt việc giao lưu mua, bán, tiêu thụ nông sản của cư dân được phần tiện lợi, đời sống được cải thiện dần để chờ đợi hiệu quả việc ngăn sông Thâu Râu cho ruộng được rửa chua, rửa mặn.

Dành một ngày tròn viếng thăm, tìm hiểu với tấm lòng thán phục vừa biết ơn bà con sở tại, cán bộ, chiến sĩ từng xông pha trên đất Cái Già, qua các trang ghi chép trên, người viết mong tái hiện một phần nào giai đoạn hào hùng của địa phương, góp phần vào thành tích chung của phong trào toàn dân kháng chiến của tỉnh nhà.

Trại sáng tác văn học 1999

Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Trà Vinh

Một xã đội kiên cường

Trong hai cuộc kháng chiến vừa rồi của dân tộc, lực lượng dân quân cơ sở luôn đóng vai trò tích cực bảo vệ đồng bào, cầm chân địch và kết hợp với địa phương quân chuẩn bị chiến trường cho binh chủ lực giáng xuống kẻ thù những đòn chiến lược, thắng lợi giòn giã, tiến tới giải phóng toàn bộ đất nước.

Thời đánh Mỹ, Trà Vinh được cấp trên đánh giá là địa phương có phong trào du kích chiến tranh mạnh, tạo điều kiện cho tỉnh nhà hưởng ứng kịp thời cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968 và trong chiến dịch Hồ Chí Minh xuân 1975 đã thắng lợi hoàn toàn cùng lúc với Sài Gòn - Gia Định.

Tỉnh nhà có 12 xã anh hùng. Sau Long Đức nằm sát thị xã, đã kêu dưng xây dựng và bảo vệ thành công Đền thờ Bác Hồ, chúng ta phải kể đến xã An Trường, cũng chỉ cách huyện lỵ độ 5 cây số đường chim bay, lại kể trực giao thông chính của địch.

Địa hình An Trường chủ yếu là đồng trống. Phần lớn dân cư tập trung ở dải giồng cặp dài theo con sông xuyên xã. Một số khác ở các ấp có vườn mồng, dựa hai xã Tân An và Mỹ Cẩm láng giềng.

Trong cuộc chiến vừa qua, Mỹ nguy luôn giành giật với ta, mưu chiếm An Trường làm tiền đồn phòng vệ mặt Nam chi khu Càng Long. Nhưng nỗ lực của địch từng phen bị quân và dân nơi đây làm cho thất bại. Xã được giải phóng mấy lần trọn vẹn hay phần lớn, ngắn hay dài hạn vào các thời điểm tháng 9-1960, 2-1964, sau Hiệp định Paris 1-1973 và vĩnh viễn lần cuối vào tháng 12-1974, bốn tháng trước thắng lợi hoàn toàn của chiến dịch Hồ Chí Minh xuân 1975.

Không hổ với truyền thống nơi khai sinh chi bộ đầu tiên Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội của Trà Vinh vào 1927, rồi chuyển thành Chi bộ Đảng Cộng sản vào 1930, Đảng bộ An Trường đã lãnh đạo xuất sắc cuộc kháng chiến toàn dân, động viên bà con bám đất giữ làng bằng mọi cách, mọi phương tiện, đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Xã đội trực tiếp chỉ huy, từng bước lực lượng dân quân tự vệ và du kích được phát triển, củng cố thành mạng lưới bao vây đồn bót, không cho kẻ địch lòng sục, cướp của bắt người một cách dễ dàng. Mỗi ấp đều có tổ sản xuất công, lời, phong trào đấu tranh đánh giặc nổi lên đều khắp. Rất đáng khâm phục là có những lão bà tuổi ngoài 60 đã tham gia đặt mìn, gài lòi diệt nhiều địch như các bà: Trần Thị Nương, Nguyễn Thị Hoa. Lại có các thiếu nhi can đảm diệt bọn tai mắt của giặc hoặc tay không cướp súng địch như Võ Văn Tòng, Võ Văn Tùng, Phạm Văn Thuấn, Đồng Văn Thanh (ấp 6), Nguyễn Văn Nghiêm (ấp 4).

Với thế trận nhân dân ngoan cường, rộng khắp như vậy, nên suốt thời gian chống Mỹ dù địch luôn đưa lực lượng đông và mạnh đến đánh phá hay chiếm đóng, chúng vẫn phải hừng

chịu những thiệt hại đáng gờm: 12.000 bị loại khỏi vòng chiến trong đó chết và bị bắt 317 tên, ta bức rút 138 lần đồn bót. Ta còn đánh chìm 4 chiếc “bo bo”, hư 2 xe M113, 11 xe quân sự; 4 xe Jeep, 4 xe GMC, 1 xe thông tin và 14 máy thông tin các loại, phá sập 3 lần cầu sắt, thu 267 súng các thứ cùng nhiều đạn dược.

Trong chuyến về thăm An Trường giữa năm này chúng tôi được các anh lãnh đạo xã đưa tới viếng một nhân chứng lịch sử đã sống qua bao hồi gay go mà oanh liệt của địa phương đó là anh Nguyễn Văn Hai, tức Hai Sùng một đảng viên ưu tú nguyên một thời là Xã đội trưởng An Trường.

Được hỏi về các chiến tích của mình, anh Hai cười hồn hậu đáp: “Có gì đâu, chúng nó cướp ruộng, làm nhục chị em, bắt bỏ, tra tấn giết người nên phải đánh mà trừng trị”. Lời nói rất khiêm tốn nhưng mang ý nghĩa giáo dục truyền thống sắc nét, ta hiểu rằng đấu tranh như hơi thở, là yếu tố đảm bảo cuộc sống.

Anh Hai có biệt tài bắn tỉa, gây kinh hãi cho địch, lắm lúc bọn chúng kêu tên anh mà thể thốt với nhau: “Tao có nói dối cho Hai Sùng đoản mạng đi”. Anh luôn mưu trí và can đảm tìm đánh địch bằng mọi cách, làm cho chúng luôn mất ăn mất ngủ.

Có bận, anh cùng một du kích khác tên Hai Lớn, trang bị 2 carbine và 8 trái thủ pháo len vào giữa đội hình đóng quân của bọn trung đoàn 14 nguy ở xóm nhà thờ, áp 8 mà đánh. Tiếng tạc đạn nổ liên tiếp ở nhiều nơi, địch đang ngơ ngác tưởng bị pháo kích, thì hai anh liền chạy chỗ này sang chỗ khác,

xả từng loạt tiểu liên vào tốp lính hoảng loạn, ngỡ là Việt cộng tràn ngập trận địa. Không nhận định được phương hướng, chúng bắn loạn xạ vào nhau, gọi Chi khu Càng Long cầu pháo tiếp viện và phi cơ trinh sát thả hỏa châu sáng cả vùng trời.

Hai chiến sĩ quả cảm an toàn trở về căn cứ, được một trận cười hả hê với kết quả địch chết 60 và bị thương hơn 100.

Anh Hai Sùng còn nhiều trận đánh ngoạn mục khác như lần tập kích bót Cầu Suối, lần phá vây ở ấp 3... Chiến công sẽ còn nhiều nếu anh không gặp rủi ro. Trong một lần chống biệt kích, chỉ còn lại một mình, anh vẫn đánh trả tới lúc ngất xỉu vì trúng thương. Trước đó, anh đã diệt một số địch khá nhiều và bắn hỏng hai khẩu đại liên của chúng. Vết thương quá nặng, phải cắt bỏ một chân, anh từ già vũ khí năm 1967.

Chia tay người thương binh cựu Xã đội trưởng dân quân An Trường, chúng tôi mang nặng theo lòng niềm cảm kích trước sự hy sinh mất mát quá lớn của quân, dân nơi đây. Qua tội ác tày trời, quân thù đã gây cho 715 nhân dân vô tội bị giết hay mang thương tật, 692 người từng bị tù đầy, 105 mái nhà biến thành tro bụi. Ngoài ra, xã còn có hơn 600 liệt sĩ hy sinh ở khắp chiến trường.

Chúng tôi cũng vô cùng khâm phục ý chí đấu tranh cứng như gang thép của đồng bào, chiến sĩ nơi đây với xã đội dân quân làm nòng cốt đã làm vinh dự cho xã An Trường, chiếc nôi của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên đất Trà Vinh mến yêu.

Làng hoa Long Bình

Độc thơ, văn xưa và nay, ta có thể thấy mối gắn bó giữa hoa và đời sống tinh thần của dân Việt qua nhiều bài ngợi ca vẻ đẹp của hoa bốn mùa, so sánh mỹ nữ với hoa quý. Ngày nay, quanh mình cũng thường nghe tên gọi các cô gái là Lan, Huệ, Cúc, Hồng, Lài v.v... Và ở mỗi gia đình, nếu có điều kiện, bà con thường chăm chút trồng nhiều khóm hoa để ngắm nhìn chiều, sớm, hoặc dâng cúng tổ tiên hay trang trí trong nhà.

Ở thị xã Trà Vinh, phần lớn đồng bào sống bằng nghề mua bán hay dịch vụ, từ xưa vốn tin ngưỡng thờ thần tài, ông địa, cầu mua may bán đắt, năng cúng rằm, mồng một. Hiện tại còn sinh nhiều lễ mừng: khai trương, tân gia, đáo tuế, sinh nhật v.v... cộng thêm việc cúng chùa, miếu cầu phước khá thịnh hành. Tất cả các sinh hoạt trên đều dùng đến hoa. Nhà chen, phố chật, không trồng được thì đã có hàng chục sạp hoa, bán quanh năm tại chợ. Nguồn cung cấp chính về loại hoa thông thường, quen biết lâu nay cho các điểm này là xóm rẫy thuộc phường Tư.

Đó là ấp Long Bình xanh, mát, được hình thành khá lâu rồi, khi có con kinh từ vàm thẳng vô chợ và tới rạch Ba Tiêu. Thủy lộ mới này thay cho rạch cũ ngoằn ngoèo và cạn, khó lưu thông.

Lớp đất đào, đổ lên dọc mé kinh là dạng cát pha, cao hơn mặt ruộng, thích hợp với việc trồng màu nên qui tụ lần hồi số đông đồng bào đến sinh sống bằng nghề rẫy. Xen với rau, cải vài người còn trồng thêm một số cây cho bông, phục vụ tập tục cúng kiến của cư dân trong vùng. Thấy kết quả, ngày càng nhiều nhà hưởng ứng. Các cụ lớn tuổi tại ấp không biết nghề hoa này bắt đầu từ lúc nào, chỉ nhớ là xa xôi trước 1945 đã có rồi. Tập trung nhất là vụ tết, đưa ra bán ở chợ hoa hàng năm, mở sau lễ đưa ông Táo, dọc theo bờ sông từ bến tàu vô chợ cá, về sau mới dời lên đại lộ Phạm Thái Bường ngày nay, thuận lợi cho người bán và khách du xuân.

Trước đây kỹ thuật còn yếu, năm được, năm thất, hoa không đẹp. Ví dụ trong việc giâm hom bông giấy có khi hao hụt đến 50%, giờ đây có thuốc chuyên dùng, chỉ nhúng vô tích tắc rồi đem đi đặt, kết quả gần trọn vẹn, trường hợp bông ra muộn, thưa thớt, cũng có thuốc giục thúc.

Thường năm ấp Long Bình có 50 - 60 hộ trồng hoa tết, sản lượng trên dưới 50 ngàn giỏ các loại, chủ yếu là bông giấy, ớt, cúc, huỳnh anh, vạn thọ, mồng gà. Mỗi giống có thời gian và cách phát triển riêng nên lúc trồng và chăm sóc đều khác nhau, đòi hỏi sự tỉ mỉ, lăm công sức, nhất là việc tưới cây. Không có mương nước ngọt kề bên như miệt vườn, bà con gánh từ sông lên, vừa xa, vừa lệ thuộc theo con nước. Bỏ đồng mỗi ngàn giỏ cần 50 - 60 đôi tưới sớm chiều.

Ở đây trồng nhiều đến một, hai ngàn giỏ chỉ như ông Năm Danh, Hai Minh, Sáu Hoài, Tư Bốn. Các hộ này vừa trồng quy mô, vừa có thêm số cây kiểng có giá trị như ngâu, nguyệt quế, mai chiếu thủy, sung v.v... Riêng ông Tư Xế đã ương được cây cau kiểng. Về kỹ thuật ghép bông giấy nhiều màu, mai đôi ba

loại thì có hai ông Sáu Hoài, Tư Bốn. Ông Tư Lương, giáo viên nghỉ hưu tuy trồng ít nhưng tìm đọc tài liệu hướng dẫn mà gây được hai giống cúc xơ-mít và đại đoá rất hiếm.

Đôi nơi khác như ấp Sa Bình, Vĩnh Yên (Long Đức), Vĩnh Bảo (Hòa Thuận) cũng có nghề hoa nhưng phần lớn trồng bông đất tức không vô gió, để cắt bán thường ngày, phục vụ tết, chỉ số ít hộ. Riêng ở Sa Bình có anh Ba Thoại, cùng với người em (giáo viên tại ấp) bỏ vốn khá nhiều để trồng dạng bon-sai rất công phu.

So các nơi trên, Long Bình có thể đặc biệt, hầu hết diện tích trồng hoa đều nằm sát đường Bạch Đằng, chạy dài dọc bờ kinh thành một xóm hoa duyên dáng vừa rộng lớn. Những ngày giáp tết, có dịp đến đây, bạn sẽ thấy thơ thới trước cả dải bông giấy phơn phớt hồng, trắng tấp như vệt son dài, những vạt vạt thò vàng rực rỡ dưới nắng hanh. Bạn lại được nhìn bao nét tươi xinh của vài loài hoa khác và lâng lâng trong lòng trước các chòm cúc hay thược dược chớm nở mà liên tưởng đến nụ cười e ấp của giai nhân. Và đây cũng là lúc chủ trồng tất bật tỉa tót, chăm sóc lần cuối các sản phẩm trước lúc xuất vườn. Bà con lại phải theo sát từng lứa cây để tưới thúc nếu thấy trễ hay giảm bớt để kềm không cho nở sớm.

Ra chợ hoa tết tập trung đủ loại, đủ dạng, có cả giống lạ, quý hiếm từ Sa Đéc, Cái Mơn sang, người xem có thể chỉ choáng ngợp trước một thảm hoa dày đặc mà ít xúc cảm do sự tấp nập, ồn ào nơi đô hội. Nhưng khi ra tận nơi trồng này, màu sắc chan hòa với cảnh trí thiên nhiên, trước không gian rộng thoáng khiến cho hồn mình cũng mở ra vừa tận hưởng nét đẹp của hoa cảnh vừa để nhận thức giá trị lao động của những người đã góp phần tô điểm thêm cho mùa xuân.

Vài nét Tiểu Cần

Mỗi tên đất, tên sông thường có gốc tích riêng. Ở đây, không truy về ý đó, người viết muốn nói đến một ngẫu nhiên lý thú của chữ Tiểu Cần, trùng hợp về bề thế và tính cách của huyện này.

So sánh về mặt bằng, xưa kia, hồi tỉnh nhà chỉ có năm quận, Tiểu Cần là nhỏ nhất. Sau này, kháng chiến lập ra Duyên Hải và khi tách tỉnh năm 1992, được chia thêm Cầu Kè thì, trừ thị xã rất hẹp mang tính chất tỉnh lỵ, Tiểu Cần trở thành áp út với diện tích 247 cây số vuông, hơn cô em chót 37km² (Cầu Kè).

Cư dân Việt Nam có mặt ở đây phải là từ rất lâu, bởi theo sử, năm 1732 chúa Nguyễn đã lập quyền hành chánh tại Long Hồ Dinh rồi, tức Vĩnh Long ngày nay. Vậy hẳn nhiên đã có đồng bào ta định cư từ trước quanh lỵ sở. Dần dần về sau, cuộc dấy loạn của Lê Văn Khôi bị dẹp, binh sĩ dính líu trong vụ, có số chạy tránh sự khủng bố của triều đình (1835) cũng đã tới đây. Tiếp đó là quân binh của Bình Tây Nguyên soái Trương Định thua trận và đồng bào bất hợp tác với giặc Pháp lại lưu tán đến nhiều thêm.

Với thân phận nghèo khó từ miệt ngoài vào tìm cuộc sống, với hoàn cảnh ty nạn, tránh sự truy đuổi của triều đình hay

giặc Pháp, ông bà ta, khi bước tới vùng đất mới còn hoang vu này ắt phải siêng năng cần mẫn khai phá, chống chọi với thú dữ mới sống nổi. Thế nên tên Tiểu Cần rất trùng hợp thực tế huyện như vậy.

Nằm ven sông Hậu, xa cửa Định An nên sông rạch ở đây hầu như ngọt cả bốn mùa. Thỉnh thoảng gặp năm gió chướng mạnh, nước biển dâng lên chút ít, nước trở thành lờ lợ trong thời gian ngắn, không mấy ảnh hưởng đến mùa vụ. Nhờ đó mà đất đai của huyện rất màu mỡ, thực dân Pháp đã có kế hoạch khai thác từ lúc mới đặt chân đến. Ngoài tỉnh lộ từ Trà Vinh xuống, ra đến Mỹ Tho, họ còn từng bước khai kinh để vận chuyển hàng hóa đến bán và thu gom nông sản đem đi: Kinh từ xã Tân An vào, dài 9 cây số năm 1876, kinh từ Giồng Lức qua Rạch Lộp, 1897.

Với kinh đào lưu thông tiện lợi, nhiều nhà quyền thế đã đến khẩn đất như Lô-răng Trí với nhà vừa đồ sộ ở Chánh Hội, hội đồng Mỹ ở Ngãi Trung (xã Tập Ngãi), thầy cai Vân ở Hùng Hòa v.v... Pháp còn lập chi nhánh vận tải đường sông có tàu sắt chạy từ Long Thới lên Sài Gòn và qua Nam Vang với cầu cảng kiên cố, có nhiều quan quyền qua lại nên thành danh là Cầu Quan.

Nhờ địa thế chằng chịt sông rạch, vườn tược sum sê mà đầu 1946, khi tỉnh lỵ Trà Vinh thất thủ, lực lượng cách mạng vừa thành lập sau tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 còn non yếu đã lui về đây cầm cự ít lâu rồi tạm rời sang U Minh để chấn chỉnh đội ngũ. Và vào giữa năm 1946, ta lại quay về, một bộ phận bám vào Tiểu Cần làm bàn đạp đầu tiên để phát triển dần.

tiến lên giải phóng một mảng lớn nhiều xã, liên hoàn với Càng Long, Trà Cú. Giữa 1947, xã Tập Ngãi, không mấy xa tỉnh lộ xuống Trà Cú, đã thành thủ phủ kháng chiến của Trà Vinh với nhiều cơ quan cấp tỉnh. Chợ Ngã Tư một đạo tấp nập ghe xuống, quán xá, được mạng danh là *"Sài Gòn mới"*.

Suốt hai cuộc chiến tranh, cộng đồng Kinh, Khơme, Hoa luôn đoàn kết ủng hộ cách mạng. Phần đông tín đồ các tôn giáo cũng phân biệt được phải trái để ngả về chính nghĩa kháng chiến. Nhờ đó mà Tiểu Cần đã lập được nhiều chiến tích rực rỡ. Năm 1948, bộ đội ta phục kích cả ngày trên vùng đồng bào Khơme giữa hai bót giặc để đánh đoàn xe địch, lập nên chiến thắng Ô Đùng, tiếng vang khắp nơi. Cũng nhờ sự che chở của đồng bào mà 1950, giữa ban ngày công an xung phong đột nhập thị trấn Tiểu Cần bắt sống một tên Hương quân hung ác. Rồi đến thời đánh Mỹ, Tết Mậu Thân 1968, dựa vào cơ sở quần chúng, bộ đội ta đã đột nhập đánh phá huyện lỵ, bao vây chi khu suốt cả nửa tháng.

Qua thử thách hồi chống Mỹ, ba xã của huyện là Tập Ngãi, Hùng Hòa, Tân Hòa được phong tặng danh hiệu "Xã anh hùng". Nổi bật nhất là xã Hùng Hòa với nhiều trận chống càn, chống lấn chiếm và xuyên suốt làm căn cứ cho cơ quan lãnh đạo của tỉnh. Đặc biệt vào 1960, hưởng ứng "Đồng khởi", xã đã tự tổ chức đưa quần chúng đến bót tề, toan cướp chính quyền. Rất tiếc cơ mưu bại lộ, ta hy sinh mấy người. Sang 1972, có lần địch càn vào xã, bị bao vây chúng phải cho trực thăng tới bốc quân đi, bỏ lại nhiều tên chết. Hôm sau, ta cho phép địch mới dám vào lấy xác.

Có một sử gia đã viết: “Nhìn lại quá khứ ắt biết tương lai”. Sao bao năm gian khổ đấu tranh với nhiều hy sinh: 846 liệt sĩ, 721 thương binh và được Nhà nước phong 23 mẹ Việt Nam anh hùng, thì qua 21 năm xây dựng hòa bình, Tiểu Cần đã đạt nhiều thành tích rõ ràng.

Vốn là vùng nông nghiệp, Nhà nước đã quan tâm phối hợp với sức dân địa phương mở nhiều kinh tưới tiêu như kinh Lò Gò, kinh Trà Ngòa qua Tập Ngãi, kinh Phú Thọ v.v... Nội trong mười tháng đầu 1996, toàn huyện đã huy động 26.990 ngày công nạo vét 72 kinh nội đồng dài 30 cây số với khối lượng đất 82.900 mét khối.

Diện tích trồng trọt toàn huyện gồm 13.996 hecta lúa, phần lớn trồng hai vụ, năng suất bình quân chung năm là 9 tấn/ha. Một hiệu quả mà trước giải phóng năm mơ bà con ta cũng không thấy.

Huyện cũng đã lập được 45 tổ hợp tác sản xuất lúa, 3 tổ làm vườn, 2 tổ chăn nuôi gồm chung 1.516 hộ, canh tác 1.021 ha, để giúp bà con gặp khó khăn, ngân hàng phục vụ người nghèo đã cho 3.633 hộ vay 2.358 triệu đồng.

Những cụ già gần xuống lỗ đã sống qua bao chế độ, đến nay lần đầu tiên thấy ánh điện về đến nông thôn. Đường giao thông được xây dựng đến tận những vùng sâu, lộ 54 nối với Trà Cú cũng đã lập lại, còn chờ tráng nhựa.

Giáo dục cũng được phát triển, đều khắp các xã đã có trường trung học cơ sở và tại huyện lỵ có trường trung học phổ thông - Toàn huyện có 29 trường cho ba cấp học gồm 328 phòng, trong

đó xây dựng cơ bản 156 và bán cơ bản 66. Tổng số học sinh là 22.593, một tiềm năng trí tuệ to lớn.

Ngoài ra, huyện còn có 2 trường tiểu học dân lập dạy thêm Hoa văn ở Long Thới và tại thị trấn. Trường dân tộc gần hoàn thành đang nuôi 90 học sinh nội trú gốc Khơme.

Năm qua thi tốt nghiệp tiểu học đạt 90%, thi tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 95%. Ở hai cấp 1 và 2, có 35 em được chọn thi học sinh giỏi toàn tỉnh.

Bà con Tiểu Cần như trên đã nói vốn là hậu duệ của những người khai phá vùng đất mới nên có dòng máu quả cảm, kiên trì và lối sống phóng khoáng thương yêu đùm bọc nhau. Điển hình như võ sư Sáu Cường. Không chịu lòn cúi quan quyền, địa chủ để sống rày đây mai đó ngoài vòng gò bó của làng lính. Cách mạng tháng 8 mở con đường đi cho ông. Vị võ sư nổi tiếng đã tham gia Việt minh, dạy võ cho chiến sĩ. Không may ông bị địch bắt và xử bắn tại đầu cầu Tiểu Cần vào 1946. Ông Sáu Hớn (Sáu Nhỏ) một thời khiến cho bọn ác ôn khiếp vía với những trận diệt ác táo bạo.

Gần đây có ông Đặng Trung Tiến gốc xã Hùng Hòa, trúng đạn quân thù, chân bị hoại tử phải tháo khớp. Trong hoàn cảnh khó khăn những năm đầu sau hội nghị Giơ-ne-vơ, người chiến sĩ dũng cảm ấy đã chịu cuộc phẫu thuật quan trọng không thuốc mê, không cả thuốc tê. Hình ảnh đó gợi nhớ truyện Quan Công ngồi cho Hoa Đà nạo xương tay bị trúng tên độc.

Và ở Tập Ngãi sát ranh, có ông Sáu Mẹo đứt đôi bàn chân, chỉ còn cùi xương trọi lỏi mà vẫn kiên cường bám lại khu du kích Ngã ba Chùa suốt 6 năm đến ngày giải phóng...

Bằng quá trình chiến đấu hào hùng với khí phách những tiên bối, qua những kết quả xây dựng rất căn cơ từ những ngày thống nhất, tin tưởng rằng Tiểu Cần sẽ từng bước vượt lên thành một miền quê giàu, đẹp có sông Cần Chong tươi mát tấp nập ghe thuyền, có những cánh đồng trù hạt, những vườn cây trái ngọt ngào. Nhiều nhà máy, nhiều khu dân cư sầm uất sẽ mọc lên khắp đó đây.

1997

Cây tâm vòng vạt nhọn

1. Thôn bộ mời chỉ huy trưởng tự vệ các ấp về họp khẩn. Đề phòng kẻ xấu, mọi người tề tựu ở nhà ông Bảy Quyết, nằm cách biệt ngoài rìa xóm. Phập phồng linh cảm về tình hình nghiêm trọng, ai nấy chuyện trò nho nhỏ, không ồn ã như ở hội quán. Cất đặt xong người canh gác, ông Chủ tịch Ủy ban hành chánh lâm thời trình trọng báo cáo cho cử tọa về chỉ thị của quận bộ, lệnh cho thôn nhà hỏa tốc chuẩn bị mọi mặt, đối phó với cuộc tiến công của Pháp trong nay mai.

Sau Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 chưa tròn tháng, niềm vui thoát khỏi đời nô lệ còn đang náo nức ở muôn lòng thì thực dân Pháp lại gây hấn, toan lần nữa tái chiếm nước ta. Lãnh đạo của Nam bộ đã phát động toàn dân kháng chiến từ ngày 23 tháng 9. Với sự giúp đỡ của quân Anh đến giải giáp phát xít Nhật, lực lượng Pháp từng bước chậm chạp nống dần ra khỏi Sài Gòn, tiến về các hướng.

Tình lý thất thủ gần tháng rồi. Cộng hòa vệ binh vẫn bám giữ vùng phụ cận cầm chân địch, kéo dài thời gian cho các quận chuẩn bị tác chiến. Cùng lúc, các tổ chức Quốc gia tự vệ cuộc ien lỏi vào nội thành trừ gian, diệt tề, cảnh cáo bọn tay sai. Chiến lược của ta là bảo toàn lực lượng còn quá non yếu để đánh du kích dài lâu với kẻ thù mạnh hơn nhiều mặt.

Ấp Đầu Giồng là cửa ngõ vào thôn. Cuộc họp quyết định tập trung hết hỏa lực đang có trong tay để chốt giữ, gồm: Một khẩu súng hai nòng, tịch thu của tên hương quản, một cây “ca-líp-xây” (tức súng săn nòng 16 ly, bắn đạn chài) của tay địa chủ sở tại và mười quả lựu đạn tự tạo trên quận vừa cấp. Về thô sơ, có hai cây ná lầy, hơn chục chiếc giàn thun, cùng một trung đội võ sĩ được rèn luyện mấy tháng qua, trang bị dao, kiếm, nhất là tầm vông vạt nhọn. Các lối đi chánh được ngả thêm cây, rập chà gai làm chướng ngại và tăng cường một mớ chông tre ở hai mép chân lộ.

2. Ngày thử lửa đã đến. Mặt trời vừa lên chưa được một sào thì vắng nghe có tiếng trống hồi một từ phía thôn láng giềng. Theo qui ước, chiếc mô mù u ở hội quán giồng tiếp lên, báo động cấp một cho mọi người chuẩn bị và các ấp đáp lại bằng mô tre. Lực lượng đã được chỉ định cấp tốc chiếm lĩnh trận địa ở Đầu Giồng, căng mắt nhìn ra phía trước, chờ đợi.

Quân địch quen lối đánh trận địa, rất sợ kiểu chiến tranh du kích nên ngập ngừng, thận trọng từng bước tiến, thúc bọn Việt gian đi trước làm bia đỡ đạn. Nhìn bè lũ chúng đang tới gần, mọi người đều sôi gan vừa lo lắng không biết đánh trận đầu này ra sao.

Rồi kìa! Giặc đã lọt sâu vào vòng phục kích. Liền theo khẩu lệnh của chỉ huy trưởng, hai khẩu súng nổ ngay mấy phát let đẹt rồi tắt tị. Thế mà địch cũng nằm rạp xuống, đáp trả bằng mấy loạt “mi-trai-dết” bắn hốt hoảng, bay vút lên không. Thừa lúc địch còn đang lúng túng, lệnh xung phong lại vang lên với những tiếng hét hưởng ứng đánh thép của toàn đơn vị. Lựu đạn được tung thẳng vào giữa đội hình lũ gian ác, trái

trúng lưng, quả trúng đầu mà không thêm nổ. Nhưng vừa lúc giặc đứng phất dậy toan nhát ném tránh đi, thì: Âm, Âm! Mấy cụm khói bốc lên. Trố trêu chúng chỉ nổ tách ba, tách tư, không có mảnh nhỏ nên chỉ vài tên bị thương, la oai oái chứ không chết chóc gì hết. Ngay lúc đó, các tay thiện xạ lại đồng loạt nã giàn thun xối xả vào, nhiều tên lãnh đạn vào đầu và mặt kêu cứu inh ỏi.

Thừa thế thuận lợi, những cây tầm vông vạt nhọn được nhất tề phóng tới như những mũi tên khổng lồ khiến địch hoảng loạn lên, rã đội hình, mạnh thẳng nào nấy quay lưng chạy thực mạng. Quân Việt toàn thắng, toan đuổi theo. Thành linh, nhiều loạt “Mút-canh-tông” (súng trường) của bọn hậu tập bắn hỗ trợ, và ở sâu sau lưng ta nổ đáp lại mấy tiếng.

“Chết rồi! Địch bọc hậu...”. Mọi người đồng một ý nghĩ và có lệnh lui binh gấp, tỏa đi nhiều hướng. Chỉ vài mươi phút sau, các toán đều gom về điểm trung tâm mà chẳng ai thấy quân giặc. “Vậy là sao? Hay mật thám? Chắc có Việt gian lẫn quất đâu đây!...” Ai nấy đều thắc thỏm lo sợ cảnh giòi từ trong xương. Khí thế chiến thắng vụt tan nhanh.

Ban chỉ huy thôn bộ ngay chiều đó mở cuộc họp dưới sự điều khiển của ông Bảy Quyết, cố vấn cho Lâm ủy hành chánh sở tại mà chỉ vài người biết rõ vai trò thực sự là Bí thư Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng, người lãnh đạo tối cao ở thôn, đảng viên kỳ cựu từ 1930.

Trước tình thế có nội ứng như vậy, vài ý kiến đề nghị điều tra người này, người khác. Khuất sau ánh đèn có một giọng ngập ngừng giây lát rồi cương quyết xin bắt ngay anh thư ký của Ủy ban Việt minh với lý do anh ta học trường “Cô-le” ở

Cần Thơ. Học nhiều chữ của Pháp, ắt là có ý đồ theo Pháp. Nhiều người không tán thành, song lời lẽ chưa đủ vững vàng. Cuối cùng, ông Bảy Quyết lắc đầu nói, đại ý rằng đề phòng, dòm ngó lẫn nhau là không sai nhưng cả quyết rằng một người nào đó là Việt gian một cách thiếu căn cứ, thiếu bằng chứng là điều tai hại, làm ly tán lòng dân trước cuộc chiến sắp gay go. Ở đây, thử xem nếu có kẻ gian thì nó nổ súng vô cớ để làm gì? Chỉ có nghĩa tự tố giác mình thôi. Hơn nữa, xét nét về một con người phải trên nhiều mặt như quan hệ gia tộc, sinh hoạt cá nhân, thái độ từ ngày tổng khởi nghĩa v.v... Với những lý lẽ trên ông hoàn toàn bác bỏ đề nghị hấp tấp này. Mọi người tán đồng, không khí nhẹ nhõm ra.

Cùng lúc đó, một tiểu đội Cộng hòa vệ binh qua ngang, tìm lãnh đạo thôn để nắm tình hình. Nghe thuật lại sự việc, người chỉ huy, vốn trước đây được ta cài vào lực lượng thân binh Nhật gọi là lính "Hây-Hô", hiểu rõ nhiều loại vũ khí cho biết đó là một loại đạn rất dã man. khi trúng mục tiêu lại nổ tiếng thứ hai, xé toạc vết thương, dễ gây tử vong. Còn khi đạn đi trượt, mẫn tẩm, cũng vẫn nổ và đã gây lo lắng vừa rồi cho địa phương.

Cuối cùng, sau một trận tiến công khác qui mô hơn, Tây cũng chiếm được thôn, xây dựng đồn bót. Đồng bào tản cư về miệt cồn hoặc tránh vô đồng sâu, vườn xa đến một nửa, sau khi tự tay phá dỡ nhà, cất giấu cột, kèo và lừa theo cả trâu, bò. Lực lượng nòng cốt của địa phương rút về nơi qui định, chờ củng cố lại để tiếp tục cuộc kháng chiến trường kỳ.

3. Tuấn, anh thư ký của Ủy ban Việt minh suýt bị chụp mũ hôm nào đã quay về. Vẫn còn e dè. Lẩn vẫn ở nhà, chưa dám

chường mặt đi đâu, thế mà thằng Xú đã hay, vội tới kiểm chuyện hù dọa.

Là một phần tử lạc hậu, không thiết tha gì tới thời cuộc, sau Tổng khởi nghĩa, hắn chỉ nhận dạy cho một số người mù chữ một cách lấy lệ để khỏi làm nhiệm vụ luyện tập, canh gác nặng nhọc của dân quân. Nhờ cái mã đẹp trai, ăn mặc chải chuốt của con nhà khá giả, hắn luôn lén lút tán gái. Một lần bị thưa về hành vi sàm sỡ, Tuấn mời gã lên Ủy ban Việt minh giáo dục. Đã không biết lỗi, tên công tử bột lại để lòng hờn oán. Giặc vừa chiếm đóng, Xú ra xin hợp tác ngay, được chúng cho làm biện làng, tức thư ký của ban hội tề vừa lập.

Tuấn đứng đưng không biết điều lo lót, hắn hậm hực vô đồn tố giác, dẫn Pháp tới. Nhưng anh này được tổ chức sắp xếp cho về thôn sống hợp pháp để nắm tình hình địch. Gặp tên phó đồn, Tuấn trình tờ “Lét-xê-pát-xê” (giấy thông hành) có chữ ký hằn hoi của tên quan ba chỉ huy cả quận. Xem xong, tên mũi quăm gật đầu, vỗ vai anh như có ý trấn an rồi quay sang Xú sừng sộ kèm theo mấy câu chửi thề. Bị quê mặt với kẻ thù, gã chỉ điểm thêm tức tối, cương quyết giữ ý đồ. Cho là viên phó quá hiền, phải tâu với xếp chánh. Hôm sau, hắn lại dắt tên đồn trưởng đến, xồng xộc thẳng tới bàn thờ tổ tiên của chủ nhà, chụp lấy cây tầm vông treo trên vách, còn dấu cửa ngang mới toanh. Kính cẩn trình cho tên xâm lược, hắn ra điệu bộ như vạt nhọn, rồi vờ xốc đâm vào nó, miệng nói “Việt minh, Việt minh” vừa đưa mắt nhìn thẳng vào Tuấn.

Thằng xếp bót, tướng hộ pháp, cổ áo mở toang phơi một nam lông ngực vàng sậm như râu bắp liền thộp ngực chủ nhà, lôi đi trước về hí hửng của con chó săn. Tới đồn, thằng Tây xô

Tuấn té chúi vào góc tường, chụp một khúc gỗ vuông toan đánh đập. Chàng trai của chúng ta bình tĩnh xin được phân trần, so sánh việc làm của mình cũng như bao đồng bào hồi tổng khởi nghĩa với hành động chống phát xít Đức vừa qua của nhân dân Pháp... Song tên thực dân hung hăng còn đồ chẳng để lọt tai, lại chồm tới như một con ác quỷ. May sao, giữa lúc đó viên phó đồn vừa về tới, kịp thời can thiệp, nhận bảo lãnh cho người thanh niên mà y vừa chợt thấy cảm mến.

Từ hôm đó phó đồn Rơ-nê có được một người bạn bản xứ. Cũng từng xếp bút nghiên lên đường cứu nước, chàng trai Pháp ngày càng thân thiết hơn với anh bạn Việt Nam. Ngày nọ ghé chơi nhà Tuấn, Rơ-nê tò mò hỏi thăm về cây tầm vong mà thằng Xú lấy làm tang vật để có hành vi bỉ ổi vừa rồi. Chủ nhà vui vẻ kể lại lai lịch món kỷ vật quý giá của gia đình. Đó là thứ vũ khí thô sơ mà ông cố của anh, khi mới đến xứ này khai hoang lập nghiệp đã dùng hạ được một con cọp dữ và chính ông cũng bị tử thương sau mấy hôm. Bởi thế, từ ông nội rồi đến cha anh vẫn luôn kính cẩn giữ làm vật thờ phượng. Trong Cách mạng tháng Tám vừa qua của dân tộc, thân phụ anh nghĩ rằng đó là vũ khí mà tổ tiên đã dùng để khai cơ thì nay phải tiếp tục làm nghĩa vụ giữ gìn sản nghiệp nên cụ đã khẩn vái xin ông bà cho phép được đem ra vật nhọn để tham gia lực lượng dân quân. Chỗ chặt bén đó đã phải cưa bỏ đi lúc quân Pháp quay lại chiếm đóng thôn nhà.

4. Tại cơ quan Tỉnh đội, Tuấn đang chăm chú biên soạn mấy truyền đơn dịch vận, chợt có tiếng xuống cấp bên. “Chắc lại có hàng binh nữa đây”. Anh mừng thầm khi thấy màu xanh cỏ úa hiện ra dưới mé nước. Đặt bút xuống, bước vội ra vừa

lúc người dưới xuống đặt bước lên bờ, anh ngạc nhiên “ồ” lên một tiếng rồi nhào tới ôm chầm người lính da trắng, ríu rít nói: “Rơ-nê đây à! Cơn gió nào đã đưa anh tới đây”. Người chiến binh Pháp cũng kịp nhận ra bạn: “Trái đất tròn mà, mình đã gặp lại nhau. Tớ theo kháng chiến với cậu đây Tuấn à”.

Qua hồi mừng rỡ, Tuấn quay sang đồng đội giới thiệu người bạn Pháp tiến bộ, đã cứu anh năm trước. Rồi cả bọn cùng bước ra xuống phụ với đồng chí liên lạc chuyển khẩu FM đầu bạc với mấy thùng đạn vô nhà.

Suốt ngày hôm đó, Tuấn ngưng hết mọi việc để trò chuyện với Rơ-nê. Trước sự thân thiết của đôi bạn, vài anh em thì thầm: “Rõ là tinh thần quốc tế tươi đẹp. Khi cùng giác ngộ chính trị, người ta còn thân nhau hơn sống chung nhà mà khác lý tưởng...”.

Tối đến trong cảnh mờ lung của chiến khu, dưới ánh đèn dầu trước gió và tiếng rì rào của vườn cây, họ lại thì thầm với nhau tận lúc có tiếng gà gáy canh ba Rơ-nê tâm sự “Biết rằng ở trong đó mình có cơ hội giúp nhân dân, nhưng đọc qua các tờ tin của các anh, nào là “Tiếng nói bùng biến” nào “Thông tin khu 8” biết rõ thêm nhiều hành vi gian ác của binh lính viễn chinh, những thủ đoạn vô liêm của nhà cầm quyền Pháp đối với nước Việt Nam hiền hòa, tôi tự cảm thấy xấu hổ lắm nên nóng lòng muốn sớm chuộc lại phần nào lỗi lầm của dân tộc mình. Hơn nữa, qua nhiều lần can ngăn, chặn tay mấy thằng chỉ huy vô cớ bắt người để cướp của nên bị chúng thù ghét, vu cáo về phòng nhì, buộc phải dứt khoát ra đây” Gật đầu hiểu ý bạn, Tuấn lại thăm dò:

- “Pháp binh hùng tướng mạnh nhiều vũ khí tối tân, còn Việt mình thiếu thốn mọi bề anh có thấy nguy hiểm khi đến với chúng tôi không?”.

- “Ồ! Sao bạn lại hỏi lạ vậy. Tôi hoàn toàn tin tưởng là kháng chiến Việt Nam sẽ thắng và đã thắng bước đầu quan trọng rồi. Vũ khí của các bạn là lòng dân, là ý chí và chính nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được cả nước mến phục, tuân theo, thật là một lãnh tụ tuyệt vời, đến các nước tư bản cũng nể trọng. Các anh lại được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi.

Đã hành quân qua nhiều nơi, tôi thấy kiểu chiến tranh nhân dân lấy yếu thắng mạnh hay vô cùng. Mọi người, già trẻ đều là dân quân, vừa cày cấy, vừa đánh giặc. Vũ khí thì đa dạng nào hầm chông, bãi chông, hầm bí mật, khiến mỗi làng là một pháo đài kiên cố, dù không có lô-cốt, tường xây. Những cây tre bình thường mọc khắp nơi được các anh chế biến thành vũ khí thật tài tình. Bởi thế các anh phải thắng, dù nhanh hay chậm. Trước tôi đã có nhiều lính Pháp bỏ ngũ theo kháng chiến và tin rằng sẽ còn nhiều người khác sẽ theo bước chúng tôi...”.

- “Cám ơn Rơ-nê về những ý nghĩ tốt đẹp đối với Việt mình, cám ơn những điều anh đã giúp cho đồng bào chúng tôi. Chúc anh sẽ làm tròn lý tưởng của mình...”.

Và cứ thế, hai người bạn dị chủng mà đồng tâm huyết thì thảo nói chuyện đến lúc mỗi mệt thiếp đi vào giấc ngủ bình yên. Sáng hôm sau có chuyến liên lạc đặc biệt đưa Rơ-nê về khu; nhập vô đơn vị “Chiến sĩ quốc tế”.

Chiếc nóp

Đầu tháng 5-1946.

Một bộ phận của lực lượng cách mạng Trà Vinh tạm rút xuống Cà Mau hồi đầu năm đã quay về vùng ven biển tỉnh nhà. Họ mượn nơi đây làm đầu cầu để dần chiếm lại địa bàn.

Tiểu đội được phân công bám rừng Cồn Trứng tới điểm qui định hai hôm rồi mà chưa bắt được liên lạc với cơ sở trên xóm dân cư. Anh em lo lắng không biết có sự cố gì xảy ra và phân phiên nhau theo dõi động tĩnh, suốt từ sớm đến xế chiều.

Qua hôm thứ tư, lúc từng đàn bù mắc ra quân thế chân cho bầy muỗi đang lui dần trước ánh trời đông và mấy chú chim rừng thoi lú lo hót mừng buổi sáng, từ phía xóm nhà bỗng xuất hiện tốp người mặc đồ vàng hướng bước về chót gác. Hai chiến sĩ trở mắt quan sát vừa phán đoán những điều có thể xảy đến. Lát sau, một anh quay về chòi báo cáo, người còn lại vẫn chăm chú theo dõi những kẻ khả nghi. Anh nghĩ, nếu là dân thì mặc đồ đen chớ, sắc vàng, hẳn là lính rồi, có nên bỏ chót hay chờ bạn mang lệnh tới?

Kia kìa, họ đang tới gần. Lạ quá, sao lại áo cộc, quần đùi? Hay có ai báo, chúng định mặc gọn ghẽ để càn rừng đây? Anh

lo lắng. Rừng mênh mông, không dễ gì bị bắt, chỉ sợ lạc lối là nguy; mới về còn lạ đường đất.

Được một lúc sau, họ đến cận hơn, anh nghe rõ giọng đàn bà, con gái cười nói tự nhiên. Thế là yên trí, không phải giặc, nhưng sao lại có đồ vàng, lại thùng thình như mặc khính của ai.

Đến trưa, có người thay gác, trở về chòi, anh được một đồng đội có sống qua vùng này giải tỏa thắc mắc: “Đó không phải là kaki của lính mà là những bộ áo quần bằng bao bố tồi”. Người nghe ngạc nhiên:

- “Trời, bao bố dày mo, làm sao mặc được?” Và anh bạn nói tiếp:

- “Mấy năm giặc, cùng với mọi thứ, vải sớ rất khan hiếm, nhất là ở nơi xa lại nghèo khó thế này. Lắm nhà, hai vợ chồng chỉ có một cái quần khá lành lặn, thay nhau dùng khi cần đi xóm. Áo quần toàn vá đùm vá chụp nhiều lớp, làm chỗ trú ẩn cho lũ rận hút máu. Trưa trưa bà con đem ra phơi nắng để bắt. Cái nào quá nhiều thì dùng ve chai hay chày dăm tiêu để lăn cán. Rận vỡ xác kêu răng rắc, nghe phát ớn. Thời đó, có mấy chiếc tàu chở gạo của quân Nhật bị đồng minh đánh chìm ở ngoài khơi xa. Chẳng ngại nguy hiểm, bà con chạy thuyền ra, lặn xuống khoang hầm, kéo vớt lên mang về phơi lại để dùng. Ở đây, đất biển mà, gạo thóc quý hiếm lắm, lớp nào không ăn nguyên hột được thì ngâm để lấy bột. Còn bao đựng, bà con nghèo dùng làm mền đắp, mùng ngủ, cả may áo quần nữa”. Người nghe lại chận lời:

- “Vậy chắc là nặng nề dữ nên khi tôi thấy tốp người hôi sáng có dáng đi cứng đờ không thông thả lắm”.

- “Đúng thế, sợi bố to thô lại cứng, cạ xát vào da sinh ngứa ngáy. Phối hợp với rận đốt, ai nấy đều bị ghẻ lở đầy mình mẩy, lưu sẹo như các kẻ bông”.

Cảnh khó khăn thiếu thốn phải mặc bao bố, dù chiến tranh thế giới đã dứt gần một năm rồi mà bà con ở đây vẫn chưa thoát ra được do giặc Pháp ngoan cố quay lại xâm lược xứ ta lần nữa với sự che chở của quân Anh có nhiệm vụ tới giải giáp pháp xít.

Rồi liên lạc giữa đội du kích với trên xóm được nối liền. Nguyên do chậm trễ là tin tức về sự quay về của lực lượng ta ở nhiều nơi đã dội tới tai tên Tây lai Pêrít sông, trưởng đồn Ba Động. Sanh nghi, hấn cho bắt số người nổi cộm hồi tổng khởi nghĩa để hạch hỏi. Các đồng chí cơ sở đã khéo léo trả lời, giữ được bí mật. Dù chưa phát hiện được gì, song từ đó chúng dè dặt hơn. Lính Ba Động chỉ dám ra bờ biển khi mặt trời lên cao và vội quay về trước 3-4 giờ chiều. Chỉ còn lại một, hai tên chỉ chọc mà bà con biết và đề phòng.

Sau thời gian đã yên nơi chỗ, đơn vị điều tra nắm bắt được cách đi lại của giặc, tổ chức mai phục đánh trận đầu và thắng lớn tại cầu Ông Bích, diệt mấy tên lính, lấy lại để trả cho dân số heo, gà, lưỡi, xip chúng vừa cướp ở xóm Nhà Mát.

Chiến tích làm nức lòng bà con cả dãy bờ biển từ Vàm Láng Nước đến Khâu Lâu. Mấy tên ham tiền nhận làm tay sai cho địch hoảng sợ ra thú tội. Từ đó giặc hết dám nghênh ngang đi cướp bóc, phá tán nữa. Tiếp theo, ta đột nhập xóm nhà thờ rải truyền đơn, bắn tĩa bọn lính gác ở hai cầu Ba Động, Láng Chim, chặn xe đồ bắt bọn tề làng trên đường lên quận Cầu Ngang... Bị tiến công tới tấp, lính Ba Động chẳng dám rời xa khỏi bót, thường bị khó khăn về lương thực do du kích phong

tỏa thủy, bộ, cuối cùng Tây Be rút bỏ đồn. Sau đó, Côn Ngao, Côn Lợi cũng thoát chạy, ta được mảng giải phóng gần suốt bờ biển tỉnh nhà. Bà con Côn Trúng trở lại nếp sinh hoạt cần cù, đi lưới, đi xịp, cuốc giồng, không còn sợ bị giặc cướp phá nữa. Nhiều trai tráng tình nguyện theo du kích. Tiểu đội đầu tiên nở lớn thành trung đội, được vũ trang thêm bằng số súng doạt được của địch và một số tự tạo tại binh công xưởng thành lập ở rừng Đầm Đầm phía ấp Côn Ông lảng giềng.

Bộ đội hồi này đường hoàng đi lại trên vùng tự do, sống hòa vào lòng dân với khẩu hiệu cùng ăn, cùng ở, cùng làm trong những dịp về hậu cứ học tập, luyện quân hay nghỉ ngơi.

Công tác võ trang tuyên truyền của trung đội vươn rộng dần lên Long Toàn, Long Hữu, Hiệp Mỹ, Ngũ Lạc giữa lòng địch...

Một ngày nọ đơn vị quay về căn cứ với một lính mới trắng trẻo như thanh niên miệt vườn hay có thể là chàng trai chợ với vẻ hoạt bát lanh lợi. Tối nơi đã khuya lơ, sau một lúc ổn định vị trí, ai nấy đều ngủ say, chỉ một mình anh tân binh cứ thao thức vì lạ chỗ, phần vì tiếng sóng biển rì rào gợi nhớ lời dạy bảo của mẹ, ngày anh từ già gia đình ra lập thân.

Trời dần sáng, dẫy nổng cát chập chùng chạy dài mé trước nhà đóng quân lộng nổi trên màn. Không gian ửng đỏ ánh mặt trời đang dần nhô lên ở phía đông khiến anh thích thú nhìn và lại ngạc nhiên thêm trước hình ảnh vài trai tráng vác những cặp sào dài với tám lưới quẩn lỏng trên ngọn từ từ bước ra biển. Đó là những gọng xịp đánh bắt ở bãi mà anh mới thấy lần đầu. Bà con, các mẹ, các chị ở xóm đều tức cười về thái độ lạ lẫm của người mới đến, hay hỏi một cách ngây ngô về mọi cảnh vật, sinh hoạt ở đây. Và ban chỉ huy trung đội cho biết,

đó là Tiến, đang học nghề ở một cơ xưởng thì bị Tây bắt vô lính. Cương quyết không cầm súng địch, anh đã tìm cách trốn ra, lại hướng dẫn cho bộ đội giải thoát thêm một số cùng cảnh ngộ.

Mới nhập ngũ, chưa quen đời lính, nhè gặp xứ muối kêu như sáo thổi, cậu Tiến khá khổ sở những ngày đầu. Hồi này chiến sự đang căng, đồn giặc đóng dày theo lộ xe, đường sông, việc buôn bán của bà con bị trở ngại, khó khăn sắm lại các tiện nghi sinh hoạt và sản xuất bị đốt phá trước đây. Lưới đánh cá phải vá chắp lại từ các mảnh cháy dở còn sót, mùng bố tời không còn thì giải quyết bằng cách un củi đá, một giống cây rừng tạo khói cay, xua muỗi tốt; phơi tôm, cá, không còn đệm được thay bằng những tấm lá chằm.

Bộ đội càng khó khăn hơn, quần áo không lành lặn cũng chỉ bộ mặc, bộ gói đầu. Mùng màn là chuyện mơ tiên, anh em chỉ có chiếc nóp vừa chống muỗi vừa giữ ấm giấc ngủ trước gió, sương. Mà chiếc nóp giản đơn bằng tấm đệm phơi thóc của nông dân cũng không đủ. Tổ nào thiếu ít, người canh gác để cho bạn nằm, tổ thiếu nhiều thì hai anh chung một chiếc, khá tù túng.

Tiến theo cách mạng chỉ với tấm lòng, áo quần không ngoài bộ đang mặc, đồng đội phải chia sốt, chiếc nóp càng không có. Chưa quen ngủ chung, nhiều đêm anh chui ra ngoài đuổi muỗi rồi ngủ gật, mặt mũi tay chân đầy vết đốt của bầy côn trùng khát máu đó, giống như người bị ban đỏ. Thấy vậy, má Bảy chủ nhà anh trú quân rất xót dạ vừa bằng tình cảm của người dân đối với bộ đội vừa là tình bà mẹ đối với đứa con ngoan.

Đơn vị sắp sửa hành quân, má rất băn khoăn cho Tiến chưa quen khó khăn. Chiều hôm đó, cơm nước xong, má gọi cô gái út đến, bàn nhỏ nhỏ:

- “Ba con, hồi năm bốn mươi bị làng lính vây đuổi, từng trải gian khổ, ngủ bụi, ngủ bờ đáng thương lắm. Nay thấy thằng Tiến mà tội nghiệp, lại nhớ tới ổng. Má tính vậy, bây xem coi, may mắn, qua mấy trận càn, mình còn giữ được chiếc đệm phơi tôm, rất quý giá ở buổi này. Nhưng mình có thể chằm lá vàng bạc, chịu khó ken lại mà phơi cũng xong” - Út ngắt lời: “Vậy má định cho ảnh làm nóp phải không?”. Má Bảy gật đầu, kết luận thay con gái: “Ồ, con chịu hén. Hành quân cực nhọc mà ngủ nghề không được, tội cho nó lắm. Mà phải bí mật, tiết lộ trước, nó từ chối đó”.

Thế là, hừng sáng hôm sau Út mang ra giếng ngâm khá lâu cho đã hết mùi tôm và chất mặn rin rít dính trên cọng bàng. Phơi khô rồi cô lén đem ra bờ dừa tỉ mẩn xếp mí, vuốt thẳng rồi chằm nên chiếc nóp đượm tình. Làm xong, cô đánh sợi dây dừa để cột gọn kiểu các anh rồi ngắm nghía, mỉm cười sung sướng. Cô lại đưa lên mũi hít ngửi mấy lượt xem đã hết mùi tôm chưa. Thoăn thoắt bước, định đem giấu ở kẹt vách, Út chợt nghĩ: Anh ấy chưa quen ngủ nóp, lại đang mùa nực, cần làm cho thoáng hơn. Và cô tìm ngay miếng bố tời thưa mặt, kết vào khoảng nóp khoét trống ở phía đầu nằm. Hoàn tất, cô lại trùm thử lên người để kiểm nghiệm. Quả là khá thông thoáng, hơi gió bên ngoài luồn vào bên trong man mát.

Nghe con báo kết quả, má Bảy nói: “Vậy là ổn rồi, nhưng nó tánh kỹ và chừng chặc lắm, chờ lúc tụi nó sắp lên đường mình hãy tặng, chắc ăn hơn”.

Hai hôm sau, khi trời vừa dịu nắng, trung đội chuẩn bị tạm biệt xóm biển Côn Trừng thân thương để ra trận. Chờ các chiến sĩ đứng vào hàng ngũ chỉnh tề, má Bảy bước tới trước ban chỉ huy:

- “Các con lại đi chiến đấu mà thằng Tiến thiếu mọi tư trang. Là lính mới, chưa quen vất vả, thường ngày ngủ chung với bạn, nó không yên giấc. Giờ hành quân xa, dài ngày, cần dưỡng sức, má cho nó chiếc nóp này...”.

Ngay sau lời nói của mẹ, Út chực sẵn bên hiên, bước vội tới, trao tặng vật cho trung đội trưởng. Nhìn qua mặt đêm đã sồn cũ, anh chỉ huy biết ngay xuất xứ của nó, thẳng thốt nói:

- “Trời đất! Vậy má lấy gì để phơi tôm?”

- “Ồ, cả xóm này có ai còn đệm đâu, lá chằm thiếu gì kia”.

Tần ngần một lúc, chỉ huy trưởng gọi Tiến bước khỏi hàng quân, đến trước vị ân nhân: - “Này má Bảy và cô Út tặng cậu đó, hãy nhận đi”. Anh giãy nảy thối thoát, nhưng trung đội trưởng lại nói như ra lệnh:

- “Đồng chí cứ nhận đi. Đây là tấm lòng của mẹ và Út, tức lòng dân đối với chúng ta đó. Cậu cứ mạnh dạn đón nhận và ghi nhớ để hăng hái chiến đấu”.

Vội vẻ bẽn lèn, Tiến tiếp món quà từ tay Út rồi quay sang má Bảy ri rí nói lời cảm ơn và hẹn hứa.

Mắt Út chớp lia, đôi má chột ửng hồng và cũng lí nhí chúc Tiến cùng anh em ra đi thắng lợi, sớm quay về với xóm biển.

*

Đợt công tác kéo dài hai tháng. Đơn vị đột nhập sâu vào vùng địch làm chúng hoang mang. Tề ấp ra thú tội, tề làng hoảng, trốn về quận, các bót lẻ bỏ chạy. Đồng bào mấy tháng qua bị Tây tà kèm kẹp ức hiếp đã không giấu niềm vui gặp lại cách mạng. Bà con kéo đến mừng bộ đội, tặng tiền bạc, thực phẩm, vải vóc. Quân ta thắng lợi giòn giã với thiệt hại rất ít.

Một chiều cuối đợt, đang quay về hậu cứ dưỡng quân, trung đội không may bị trận pháo của địch và Tiến bị thương nặng, máu ra nhiều lắm người. Đường còn xa, e không kịp tới quân y xá, lãnh đạo quyết định dừng lại, cố chạy chữa tại chỗ. Nhưng tình trạng mỗi lúc càng tỏ ra vô vọng. Ban chỉ huy bảo anh em lấy nóp của người chiến thương ra, chuẩn bị việc mai táng vì đây là vùng địch vừa rút chạy.

Đang trong cơn thêm thiếp, Tiến bỗng mở mắt, anh em xúm lại cố nghe những lời thều thào của anh: “Gi... giữ... nóp... lại - (ngưng một lát, rồi gắng tiếp) - Trả về... ma... á Ba... ý phơ... ơi tơm - (lại đứt quãng) - Cứ chôn trần... đi...”.

Mọi người chứng kiến đều nghẹn ngào, có anh quay tránh mặt đi. Thường ngày Tiến vẫn áy náy về sự hy sinh của má Bảy, tâm sự với bạn không biết sao đền đáp được ân lớn này.

Rồi sau khi gắng buông từng tiếng rời rạc từ biệt đồng đội, cám ơn bà con xóm biển, Tiến nấc lên một cái và đi xuôi. Đôi mắt lơ dờ chợt nhướng lên tròn xoe như nhìn về miền thương mến.

Thêm mấy trận pháo nữa, địch đưa bộ binh vào phản kích. Đơn vị phải tác chiến chống càn gay go liền một ngày từ sớm tới chiều mới đuổi địch ra khỏi ấp. Phải đánh ác liệt như vậy, mà thể theo lời trời trăng của tử sĩ, anh em cố giữ vẹn chiếc nóp để hoàn về cho người chủ.

Đơn vị trở lại nơi xuất phát đúng vào chiều cuối năm âm lịch.

Phấn khởi về chiến công giải phóng quận lỵ Trà Cú hồi cuối tháng 12-1946 cùng nhiều trận thắng khác của bộ đội mà tin tức được liên tiếp đưa đến, bà con đang rộn rịp sửa soạn cái Tết thắng lợi đầu tiên của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Nhà má Bảy cũng rộn ràng gói bánh tét chờ trung đội quay về. Bỗng đứng không gian như ngưng đọng lại, ai nấy thờ thẩn như vừa qua cơn bão dữ năm Thìn.

Má Bảy buông xuôi công việc, ngồi thừ người một lúc khi nghe Tiến hy sinh. Lâu sau má chậm chạp lên nhà trước, vịn cột mếu máo khóc vừa kể lễ tối tư cách tốt đẹp của người lính trẻ vắn số.

Còn Út, môi mím chặt, run run đôi tay đón lấy chiếc nóp của trung đội trưởng trao lại mà ôm vào lòng, đứng chết trân một lúc như chân bị chôn dưới đất. Và một lúc sau, không kiềm được xúc động, cô òa lên khóc nức nở.

Mãi tới khi nỗi niềm vơi theo dòng lệ, Út mới quay sang dìu mẹ ngồi xuống ván. Hai người ngồi im lặng khá lâu, bất động như hai pho tượng trước anh em bộ đội bao quanh với ánh mắt mến thương, quý trọng.

Rồi, như có sự đồng cảm, chẳng một lời trao đổi nhau, má Bảy và Út cùng một lượt đứng dậy, đưa chiếc nóp đến treo lên tấm phên lá sau bàn thờ của gia đình. Và trầu mến thấp nén hương cho liệt sĩ. Mọi người chứng kiến hình ảnh này đều không cầm được nước mắt.

Ngoài sân, hàng dừa lắc lư theo gió tựa như cũng khóc òa bằng tiếng lá rì rào.

Giữa dòng nghiệt ngã

1. Thoa vừa ra trường sư phạm, được bố về xã Y, nét đẹp dịu dàng hồn nhiên của cô giáo trẻ chẳng mấy lâu đã rạo rực con tim bao chàng trai ở xóm chợ này.

Cùng dạy chung, hình ảnh nữ đồng nghiệp sớm in vào hồn thầy Tiến. Ngược lại, sự hoạt bát, vui tính điềm đạm của thầy cũng khiến cho Thoa quý mến. Hai người ngày càng gắn bó thân thiết nhau hơn.

Thình lình, ba của Tiến là cơ sở cách mạng để lộ hành vi, bị địch bắt. Sợ không yên thân anh rời trường, thoát ly vào khu căn cứ. Dù cách mặt, đôi bạn tình vẫn thư từ đi lại, thăm hỏi động viên nhau.

Lần nọ, một lá thư của Thoa gửi ra nhè lọt vào tay tên Lung, thư ký ban hội tề xã. Thằng này vốn từng để ý thêm muốn, mấy lần trêu ghẹo và bị cô giáo cự tuyệt. Bằng lượm được vàng, hắn dùng nó như chứng cứ phạm tội của người làm việc “quốc gia” liên lạc với Việt cộng để dọa tố giác hồng o ép cô gái hiền lành.

Mới trưởng thành, lần đầu rời sự bảo bọc của gia đình, Thoa lúng túng sợ hãi, không biết đối phó bằng cách nào. Còn tên

biện làng háo sắc, dày dạn sự đời, giống như con cọp dữ trước miếng mồi ngon, cứ vờn chụp mãi làm cho cô gái càng rối tinh lên. Cuối cùng, sợ vạ lây đến cha mẹ, cô yếu đuối nén đau khổ mà xuôi tay trước cơn nghiệt ngã.

Tiến được tin, giận Thoa và thù thằng đểu đó lắm, có lần anh toan mạo hiểm về xóm để trừng trị. Sau cùng, được sự phân tách của lãnh đạo, anh hiểu ra căn do của bao nhiêu đổ vỡ, mất mát ở nhiều gia đình và thân trai không thể đem ra liều lĩnh vì chuyện tư riêng như vậy.

Rồi chiến sự ở nông thôn ngày càng ác liệt, xóm chợ chẳng được yên. E sợ bị trừng phạt, Lung chạy chọt được chân gác cổng ở một cơ quan trên tỉnh. Hấn đưa Thoa lên theo, bỏ lại quê nhà cô vợ chất phác cùng mấy đứa con dại. Từ đó, dù cha, mẹ, cả họ hàng thân cận không có điều hiềm gì với cách mạng, nhưng với ám ảnh tội lỗi cướp đoạt tình yêu của người kháng chiến, hấn dần dần bước hấn sang thế chống đối.

Dù chiếm được thân xác, Lung biết rõ tim Thoa luôn hướng về người ở ngoài kia. Cô gái đáng thương luôn bị những lời đay nghiến cay độc của hấn với bất cứ duyên cớ bâng quơ nào. Thoa xấu hổ với bạn bè, tự thẹn với mình. Nhưng việc đã lỡ rồi, gắng giữ hòa khí để nuôi con.

2. Giữa đêm khuya mấy tiếng nổ rền từ ngoại vi thị xã bay vọng đến. Tiếp theo, súng lớn súng nhỏ rộ đều, ào ào như xay lúa, như mưa nặng hạt xuống mái thiếc hòa với những làn đạn vèo vèo bay rít qua, lại trên không.

- “Tiếng đạn kiểu này là Việt cộng tấn công nhiều phía, quyết liệt lắm đó”. Lung lo lắng nói với vợ. Bỗng có tiếng

chân người thỉnh thoảng chạy qua hẻm trước nhà. Hấn rón rén đến trước khe cửa, nhìn một chốc rồi quay vội vô. Qua ánh hỏa châu lung lẳng đâu đó rọi vào, Thoa hốt hoảng thấy chồng lăm le hai quả lựu đạn trên đôi tay, vội nói:

- “Anh làm gì vậy, muốn chết cả nhà sao?”. Suyt một tiếng chặn lời, sợ vợ nói lớn, hấn thì thào:

- “Họ vô tới rồi đó, không liều cũng bị giết thôi”.

Đỗ dành, tranh thủ một lát, Thoa dịu dàng níu tay hấn lôi vô nhà trong. Tới phút này, cô phải bộc lộ vai tuồng của mình, khê khàng nói:

- “Anh mới ngớ ngẩn làm sao, tin tức hằng ngày trên mặt báo mà không biết gì à? Máy ống tiến như chẻ tre, “quốc gia” sụp đổ ngay bây giờ thôi. Nhưng anh đừng lo, tuần trước về quê, có mấy ảnh đến thăm, hỏi han về cuộc sống của tụi mình. Các anh kể về thời sự, về chính sách của kháng chiến, đưa cho đọc tài liệu kêu gọi binh sĩ, sĩ quan quay về với chính nghĩa. Cách mạng coi lính như anh là những người lầm lạc nghe theo lời Mỹ, Thiệu, đáng tội nghiệp. Kẻ thù chính là đế quốc và ngụy quyền”.

Nói xong, Thoa đưa mấy tờ giấy chữ in cho chồng và tiếp:

- “Anh đọc trong đó sẽ hiểu rõ thêm. Các anh còn dặn phải giữ truyền đơn này làm bằng chứng mình có tiếp xúc với cách mạng, anh sẽ được xóa hết sai trái trong quá khứ”.

Thoáng chút ngạc nhiên về sự quan hệ khá chặt của Thoa với kháng chiến, Lung ngoan ngoãn như đứa trẻ trước cô mẫu giáo, nhận tờ hộ mạng, gật đầu tin cậy.

3. Mấy hôm sau ngày toàn thắng, có lệnh ban quân quản gọi quân nhân viên chức ngụy ra trình diện. Đang nuôi hy vọng được yên vui hòa bình với vợ con nhờ lượng khoan hồng của cách mạng, giờ bị hoang mang, Lung lo rằng giông tố sẽ ập lên mình, tính chuyện trốn đi, Thoa nói mãi mới chịu bỏ ý định.

Đếm từng bước nặng nề tới điểm quy định, hấn lâm râm khẩn vái cho đừng gặp gì khó khăn, đừng xui xẻo gặp người yêu cũ của vợ thì khốn. Đảo mắt qua các bàn tiếp nhận, thấy toàn người lạ, hấn yên lòng đứng vào hàng. Nhiều sĩ quan khai báo xong được ra về khiến hấn thấy nhẹ nhõm.

Rủi ro làm sao, chỉ còn hai người nữa là đến lượt mình, người cán bộ đang làm việc vụt đứng lên, nhường cho anh khác. Oái oăm, nhè chính là thầy giáo Tiến, không thể làm được, dù gương mặt có già dặn hơn. Điếng hồn, Lung toan bỏ chỗ, tránh đi. Vừa lúc bỏ bước ra khỏi hàng thì anh ta mơ hồ như nghe tiếng hỏi.

- “Kìa, anh Lung đó à, có nhớ mình không?”

Mặt Lung chợt thuôn ra, lí nhí gì đó trong cổ họng rồi cúi rạp chào kiểu võ sĩ đạo Nhật Bản. Thấy cử chỉ buồn cười của gã. Tiến trấn an: - “Có gì mà như mất hồn vậy, cứ bình tĩnh mà khai chức vụ, việc làm của mình. Chẳng ai giết chóc anh đâu”.

Làm xong tờ khai, Lung lững thững quay về, đầu càng nặng trĩu hơn bởi câu dặn của Tiến là hôm sau phải quay lại, có việc cần. Thôi, chắc là anh ta sẽ tính sổ với mình đây. Nghĩ thế, suốt ngày đó hấn dầu dầu âu lo, trọn đêm đến chẳng ngủ mà không dám hé môi cho Thoa biết. Có lúc vợ say giấc gã toan trốn nhưng lại sợ khó thoát.

Giờ được hẹn sắp đến, thôi thì một liều ba, bảy cũng liều. Lung rời nhà sau mấy lời vắn tắt với vợ và nhìn con đầy lưu luyến, dạ đình ninh sẽ bị bắt giữ, không có ngày về.

Bất ngờ làm sao, vừa tới nơi, gã được Tiến đón bằng nụ cười thân thiện rồi đưa vô gian nhà trong có sẵn mâm trà, thuốc hút. Sau vài câu rời rạc không chủ đề, đột ngột Tiến hỏi:

- “Những lời anh khai hôm qua đã thật thà, đầy đủ chưa?”.
Áp ứng một hồi Lung đáp: - “Dạ thưa anh... thưa cán bộ, em đã nói bằng cả sự ăn năn biết tội”.

Hít xong hơi thuốc, Tiến lấy ra một tấm ảnh đặt lên bàn trước mặt người đối thoại. Mảnh giấy vô tri bỗng làm Lung xanh mặt rồi thụp quỳ xuống lạy van xin được tha thứ. Nguyên là sau khi ép uống được Thoa, gã cứ nơm nớp lo có ngày nàng sẽ bỏ trốn theo người yêu hoặc một đêm nào đó Tiến đột nhập về báo thù. Để cắt đứt liên hệ giữa hai nạn nhân, không biết tìm đâu được tấm ảnh của tình địch, hắn thuê thợ ghép với ảnh một gái điểm mặc hở hang. Tên gian manh khéo léo đưa sản phẩm quỷ quái đó lọt vào tay Thoa và gởi về quê nhà, tạo dư luận xấu về Tiến. Gã nghĩ rằng một khi mất uy tín với dân, tổ chức hết tin cậy, Tiến chẳng còn khả năng trả thù, trả oán gì nữa.

Hắn nào ngờ, Thoa dù yếu đuối chịu khuất phục cường quyền nhưng người bạn trai ấy vẫn tin cô, duy trì tình quen biết, giữ mối liên hệ trong nhiệm vụ kháng chiến. Thoa đã kịp thời gởi nhanh bức ảnh giả mạo đe tiện đó cho Tiến, phá vỡ ngay từ trứng nước âm mưu thâm độc của Lung.

Đợi hắn van vỉ xong, Tiến mỉm cười thương hại, bảo ngồi trở lên ghế và với giọng từ tốn:

- “Cường ép Thoa đã là tội ác, có thể khiến cô quyên sinh nếu không có sự thấu hiểu của tôi và lời động viên của tổ chức. Đã thế, anh còn tiếp thêm hành vi bỉ ổi, mong bôi lọ tôi, lòng anh ác độc hơn quỷ dữ. Nhưng chuyện qua rồi, tôi không kết tội để báo thù anh đâu.

Gặp mặt hôm nay, tôi muốn anh hiểu rõ tấm chung tình của Thoa. Lỡ khuất phục, cô ấy cần rằng chịu đau khổ mà làm vợ anh chứ không có ý ăn ở hai lòng như anh từng xỉ vả. Chính vì trách nhiệm với chồng mà Thoa cố làm mọi cách giảm nhẹ tội lỗi cho anh. Cô đã khai thác khéo léo ở anh nhiều tin tức để báo cho kháng chiến”.

Nghe qua, Lung tròn xoe mắt ngạc nhiên thì Tiến đặt lên bàn tờ giấy trắng tinh chưa có lần xếp. Thấy rõ nét chữ của Thoa và lời ghi trên đầu trang “Đơn xin bảo lãnh cho chồng”, anh ta thẳng thốt một thoáng rồi nói:

- “Trời ơi, các anh cao thượng quá và Thoa đáng quý, đáng phục làm sao. Tội nghiệp, tôi đã hiểu lầm và dẫn vật cô ấy quá nhiều”.

4. Thế rồi nhờ công đóng góp của mình, Thoa đã xin cho Lung khỏi phải tập trung mà chỉ cải tạo tại chỗ một thời gian ngắn. Sự khoan hồng của cách mạng, tư thái đẹp của Thoa càng giúp Lung tự suy ngẫm mà thấm thía về các lỗi lầm của mình. Anh hết sức chăm lo gia đình, con cái cho vợ có thời gian làm các nhiệm vụ mới của những ngày vừa giải phóng.

Người bạn cũ

1. Cổng vừa mở đã có ông bộ đội dẫn xe đạp tới, tề chỉnh trong bộ đồ màu cỏ úa mà phẳng phiu đúng quân cách. Ve áo chỉ có hai lần khuy chứ không gắn quân hàm. Trông người lính như mờ nhạt giữa vẻ lộng lẫy của cơ quan kinh tế này. Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ, ta sẽ chú ý tới đôi mắt to, sáng, hiền lành, ánh lên nét thông minh và kiên nghị.

Mãi gần 8 giờ, một chiếc xe Dream màu hạt nhãn êm ru lướt tới trước thềm, viên giám đốc xách cặp da thẳng vô phòng chẳng để ý tới khách. Người lính đứng lên nhưng không kịp, đành buông mình ngồi lại. Một lúc lâu sau, chủ nhà quay trở ra giả vờ như mới thấy và bước tới kẻ đang chờ.

Lúc mặt nhìn mặt với nhau, bỗng hai người cùng lướt phát ra tiếng “Ồ” ngạc nhiên. Vị giám đốc công ty chẳng khác xưa lắm, chỉ mập tròn, bề ngoài sang trọng, còn ông bộ đội, do vết sẹo chạy dài khắp má phải làm cho khuôn mặt hơi biến dạng nhưng ánh mắt và nốt ruồi ở trán đã nói lên lai lịch. Hóa ra họ đã biết nhau rồi, chỉ lạ ở bí danh, giám đốc là Thành, còn Việt là anh bộ đội.

Gặp người quen cũ, Việt mừng rỡ tự nhiên. Trái lại, bề ngoài đon đả mà bên trong Thành chẳng hứng thú chút nào.

Đơn vị hút biên chế, nghe tổng công ty cho người, anh nhận ngay, ngờ đâu lại nhờ ông bộ đội phục viên này. Nộp xong hồ sơ, Việt được thời gian thu xếp chuyện nhà trước lúc nhận công tác.

Gần như trọn đêm đó Thành không ngủ được, cứ bồn khoăn lo ngại về sự có mặt của Việt tại công ty, sớm muộn gì, các thủ đoạn làm ăn sai trái của mình cũng bị phanh phui. Hấn bóp óc tìm cách đối phó.

Một tuần sau, Việt trở lại nhận nhiệm vụ. Giám đốc niềm nở trao cho một số quà, một phần nói là của Công đoàn, phần kia là của cá nhân, trên tình bè bạn, giúp cho Việt mới rời quân ngũ, còn những khó khăn.

Chẳng lạ gì với kiểu mua chuộc thế đó, Việt toan từ chối tất cả. Nhưng rồi viện lẽ mới về, chưa công cán gì, chỉ dám nhận phần quà riêng của Thành mà thôi. Và sau đó, công ty cử người đưa anh tới làm nhiệm vụ trưởng trạm thu mua ở một huyện xa.

Với tác phong tháo vác và thành thạo tổ chức của một chính trị viên lực lượng vũ trang, Việt sắp xếp lại việc làm của trạm. Đơn vị bố trí luôn có người trực, không để bà con mang sản phẩm tới bán phải chờ lâu lắc. Chuyện hậu cần cũng được chỉnh đốn cho anh em được ăn đúng giờ, nóng sốt, luôn thay đổi món.

Chẳng mấy lâu sau, trạm của Việt vượt lên hết các đơn vị khác về sản lượng thu mua. Bà con bàn nhau mang thẳng tới chú Việt mà bán, không phải qua trung gian và anh luôn thôi thúc công ty gởi tiền mặt xuống.

Cung cách làm ăn của Việt làm đảo lộn mọi nề nếp trước, khiến Thành và bộ sậu bức tức vì mất nguồn lợi. Lâu nay nông dân đến bán sản phẩm không được trả tiền ngay mà chỉ nhận giấy nợ để rồi phải lui tới hai ba bận mới được thanh toán. Lắm người chán việc đi lại phải bán lỗ các phiếu hên cho tay em của Thành. Ngoài ra việc cân kéo không bao giờ chính xác, mỗi tạ bà con bị thiệt mất thấp nhất cũng 4-5 kí lô.

Trước đây, số tiền chậm trả cho khách ở khắp các trạm luôn rất cao đã được Thành cho quay vòng để mua bán nhiều mặt hàng ngoài chức năng để bỏ túi riêng. Đưa Việt xuống huyện cốt để tránh sự dòm ngó các hoạt động tại công ty, nào ngờ anh đã đụng chạm đến nguồn lợi ích kỷ của bọn họ. Tai hại hơn là kiểu cách đó đã có mòi bắt lan qua các trạm khác. Thành phải tìm chiến thuật mới để đối phó với kẻ phá đám.

Chiều đó, anh em ở trạm kéo nhau đi ăn giỗ ở xóm trong, Việt không khỏe nằm trực tại nhà. Mưa lâm râm, anh nằm đọc báo thì Loan đột ngột quay về. Cô thư ký cười duyên, bước tới sát giường, đưa túi cà phê đá có sẵn ống hút, mời:

- “Anh Việt uống với em cho khỏe”.

- “Ủa sao cô trở lại có một mình vậy”.

- “Thôi, đi làm gì, chỉ có em là con gái, lạc lõng quá. Đàn ông con trai họ đi với nhau hạp hơn. Một mình anh ở nhà chắc buồn, em về cho có bạn”.

Dứt câu, Loan sà xuống ngồi lên mép giường, gí túi nước đá vào tay Việt. Anh rút tay lại và bật ngồi dậy với vẻ bất bình.

- “Cô đừng thế, bà con trông thấy dị nghị chết”. Nùng nịu, cô gái bông lơn.

- “Thôi đi ông tướng, anh có tiếng là Đường Tam Tạng, lọt vào động mấy mươi đứa nữ yêu lôi kéo còn không được mà sợ nổi gì. Tình anh em chung nhà, ngại ngần sao?”.

Cô ta cứ ngồi lì, liếc mắt gọi mời. Việt bước sang ngồi ở bàn ngoài. Phản ứng của người đàn ông khiến Loan tần ngần một lúc rồi ra đứng dựa cửa, rưng rưng nước mắt. Sau một hồi nghĩ ngợi khá lâu, cô quay vào kéo ghế ngồi trước mặt Việt, giọng nghiêm trang mà ấp úng:

- “Em tự ái lắm đó... Anh khinh em lắm phải không?... Và cả thằng cha Thành cũng coi rẻ em... Thật xấu hổ làm sao”. Nói đoạn, cô lại thút thít khóc. Việt bối rối không biết xử trí thế nào. Chợt anh thấy tội nghiệp, bước đến gần định tỏ lời an ủi liền bị Loan đưa tay phủi ngang. Sự giận dữ bất thần của cô gái thật khó hiểu. Đang đứng lơ ngơ chưa biết phải làm gì, bỗng nhớ lại lời ví mình là Đường Tam Tạng, anh bật cười ra tiếng, khiến cô nàng ức lòng hơn:

- “Biết mà, anh khinh em, nhưng thú thật em cũng phục anh lắm. Gặp tay nào khác em quyết bất xác kỳ được chứ không chịu ê chề như vậy đâu...”.

Nói một hơi, như trút điều uất nghẹn, Loan nghe dễ chịu, bớt muộn phiền, bình tĩnh tâm sự, kể hết ngọn ngành. Đúng như Việt đã cảnh giác. Thành bố trí Loan về trạm cốt giảng cái bầy mỹ nhân nhử anh vào tròng mà về hòa với hắn hoặc vô hiệu hóa khả năng đối kháng và tệ hơn là bêu xấu, hạ uy tín rồi xin trả về tổng công ty.

Thoạt đầu Loan cũng hăm hở nhận kế hoạch bởi cô cũng có phần hưởng trong những dịch vụ sai trái của công ty. Song khi vào thực tế, thấy cách làm của Việt được lòng bà con, thu mua càng tốt, mức thưởng cũng khá và người hưởng thụ thành quả chính công sức mình đem lại rất an tâm, sung sướng. Mọi việc đều khác với lời bóp méo của Thành.

Do đó, từ ý đồ hăm hại, Loan chuyển sang cảm mến và yêu Việt. Nhưng trước phẩm chất tốt đẹp của người lính, cô đã phải chào thua và kính phục. Nhận ra lỗi lầm a tòng lâu nay với những sai quấy của Thành, cô đã kể lại cho Việt các thủ đoạn làm ăn phi pháp của hắn và lũ đàn em.

2. Đêm đã khuya mà Việt cứ trần trọc mãi với bao ý nghĩ rộn ràng đối chọi nhau. Nhổ đi một bụi cỏ dại có thấm gì với cả đám cỏ ăn hại mọc lan, tiêu cực xảy ra khắp chỗ chứ không riêng gì công ty này, thôi kệ nó. Thoạt đầu anh đã nghĩ vậy, song nhớ lại cảnh khó khăn của bao đồng bào, cả nhiều gia đình có công với nước, chất lính trong tim sống dậy, anh định phải vạch mặt bọn làm ăn bất chính gây ảnh hưởng xấu cho chế độ. Đã tính vậy mà anh lại băn khoăn, e là sẽ bị Thành cho là mình có hành động vì tư hiềm, vì mục đích trả thù cá nhân.

Anh còn nhớ như in sự việc xảy ra giữa hai người, chỉ mấy ngày trước khi anh tòng quân. Là con nhà khá giả, Thành thường khoe của để chim gái. Một hôm, hắn sỗ sàng với một cô bé ấp lảng giềng, Việt can thiệp và lên cho một lớp về sự đứng đắn với phụ nữ. Do đó hắn ghét Việt. Một hôm, có đoàn văn công đến phục vụ, trú tại nhà Việt, hắn lén vô trộm một số vật dụng

để phao cho chủ nhà. Song hành vi đê hèn bị bại lộ, Việt chẳng thêm giận, xem như một trò trẻ con. Trái lại, chắc là kẻ xấu bụng không quên việc làm của mình qua thái độ ngỗ ngược, sừng sùng của hắn hôm đầu tiên mới gặp nhau.

Suy nghĩ đắn đo rồi, Việt tự trả lời hành động của mình vì lợi ích chung, chẳng gì phải e ngại. Nhưng hạ một con người bằng cú cho đo ván sóng soài, anh cũng cảm thấy xót xa, phải làm cách nào cho vừa khéo vừa hiệu quả, giữ vững lập trường, nguyên tắc đây...?

Bỗng một tia lóe lên, anh nhớ lại tính nhân đạo trong chính sách tuyên truyền giác ngộ đối phương mà có lúc mình đã kinh qua. Sung sướng với phương cách nhẹ nhàng ấy, anh sắp xếp kế hoạch trực tiếp đấu tranh với gã giám đốc ham tiền. Và Việt thiếp đi lúc nào không hay vào giấc ngủ nhẹ êm.

Mấy hôm sau, anh về thẳng công ty gọi sự tự giác phản tỉnh của Thành. Phản ứng đầu tiên của giám đốc là chối bỏ mọi lời buộc của anh trưởng trạm. Nhưng sau sự thuyết phục thân ái cùng những lúc trưng ra chứng cứ rõ rệt đã thu thập được. Thành dần đuối lý. Cuối cùng gã gằm mặt xuống biết tội vừa xấu hổ với người bạn cùng quê.

Thế là một lần nữa, không nguôi tính chiến đấu, anh cựu chiến binh Việt lại ghi thêm một điểm son vào bảng thành tích của mình.

Kỳ ngộ

1. Năm ấy, trong số 10 học viên của tỉnh gửi đi đào tạo ở trường trung cấp thủy sản Trung ương, tốt nghiệp và trở về, chỉ có Hoàng Lan là gái. Vóc dáng mảnh mai, nước da trắng mịn, trông cô có nét là sinh viên văn, sử hơn là của cái ngành phải phơi nắng sương này.

Thế nhưng, người con gái có vẻ yếu ớt, với cái tên khá dài các lại một mình tự nguyện về vùng cồn bãi xa xôi, thiếu lắm tiện nghi. Có bạn chế giễu: “Lan này chắc không chịu nổi gió biển đâu, vài ngày lại bay về thôi”. Mỉm cười tự tin cô đáp lại: “đây là Lan rừng chứ không phải loại trong vườn ươm nhe. Bà con sống được tất mình sống được. Hơn thế, ở đó mới chính là nơi đối kỹ thuật hơn cả”.

Vậy là, xốc ba lô lên vai, cô gái mạnh bước lên đường như một chiến sĩ sắp đối đầu với trận mạc. Những áng mây trắng từ hướng đông bình bồng trôi về như nâng kéo hoài bão tốt đẹp của trang thiếu niên bay bổng lên theo.

Về tới xã trọng điểm nuôi tôm do phòng thủy sản huyện giới thiệu, thoát đầu cô cũng được tiếp đón một cách thờ ơ: “Hết người rồi sao mà đưa tiểu thư này đến. Máy ông tướng

đàn ông trước đây còn chưa được tích sự gì”. Ai đó đã khē bình phẩm như vậy. Và những lời khác nữa, không hiểu do vô tình hay cố ý của phát ngôn viên mà hầu hết đều lọt vào tai Hoàng Lan, song đều bị cô phớt lờ.

Sau khi nghe qua báo cáo tình hình thả nuôi, đánh bắt thủy sản của địa phương, cô trình bày kế hoạch làm việc của mình và từ chối sự bố trí chỗ ăn, ở của ủy ban xã để nhập thân vào những người lao động sản xuất.

Đến đâu Hoàng Lan cũng xông xáo hòa mình với bà con, ra tận ao, hồ lúc tinh mơ hay sẩm tối để quan sát cụ thể từng lúc sự phát triển của mỗi lứa tôm. Cô xem tỉ mỉ từng mẫu nước, mẫu đất và các dạng thức ăn. Giống bù mắc nhỏ xíu bằng mũi kim hoạt động lúc sáng sớm hay khi vừa khuất ánh mặt trời thường gây khó chịu với những vết đốt nổi mẩn ngứa ngáy, trái lại không ảnh hưởng gì đối với cơ thể như được miễn nhiệm của cô gái thành thị này. Có cô bác nói vui: “Da thịt cô Lan dường như là của người được sanh ra trên đất cồn vậy, chắc trời xui cho về để làm dâu ở đây...”.

Ngoài sự chịu đựng với muỗi, bù mắc, còn nổi khó nữa mà bao đồng nghiệp đi trước rất ngán ngại là nước mặn. Giếng bơm chưa có, bà con chỉ vét những giếng khơi, nước lờ lợ và sẵn sàng cho cô được hưởng ưu tiên, nhưng Hoàng Lan cũng nhẹ nhàng từ chối để cùng sinh hoạt như mọi chị em địa phương.

Lối sống giản dị, gấn bó, cùng ăn, ở, làm với bà con và cung cách làm việc tỉ mỉ, tận tâm đã tạo tình cảm đậm đà của mọi người với cô kỹ thuật viên. Cô bác tin, yêu cô như người thân trong nhà.

Do vậy, những kết luận xác đáng của Hoàng Lan qua các cuộc họp với từng nhóm hộ đều được tán thành và thực hiện. Các vuông, hồ sai cách thức được bổ khuyết, cách nuôi không hợp lý được đổi ngay và những điều làm tốt ở các hộ có kinh nghiệm được chóng phổ biến rộng ra. Nhờ thế mà vụ tôm đầu mùa đạt kết quả mỹ mãn, vượt quá mong đợi của mọi người.

Nhiều nhà khá giả mời cô đến ở, nhưng cô chỉ chọn tá túc với một bà cụ là mẹ liệt sĩ. Mới đầu, Hoàng Lan nghe bà mẹ chỉ có con trai duy nhất đã hy sinh nên quyết đến ở cho vui nhà vừa đỡ dần cho người bất hạnh. Đến lúc mang ba lô tới mới hay ra là bà cụ còn có một con nuôi đang ở chung, vốn là đồng đội, kết nghĩa tử sinh với con mình.

Vị nghĩa tử này đã ngoài 50, dù mất một chân mà rất giỏi giang, gánh vác hết mọi việc lao động sản xuất, phục vụ bà chẳng khác gì con đẻ. Ông về đây là thực hiện lời hứa trước giờ bận hy sinh, bỏ lại mẹ già cô thân, không người để nương tựa.

Thái độ hết lòng với bằng hữu ấy khiến cho cô gái cảm kích không thay đổi ý định, cứ ở lại dưới mái lá ấm áp nghĩa tình. Chòm xóm gọi vị nghĩa tử đó là Ba Nuôi, tức người con nuôi, xếp thứ tiếp theo người con ruột của bà mẹ. Ngoài tính cách nói trên, ông Ba Nuôi còn có sự hiểu biết khá phong phú về nhiều mặt, càng làm cho Hoàng Lan thêm quý, nghĩ là mình sẽ học hỏi ở chú ấy nhiều điều bổ ích cho cuộc sống.

Có bàn tay con gái dự vào, cảnh sắc gian nhà thay đổi hẳn, ấm áp tươi vui, ngăn nắp gọn gàng thêm như ở một gia đình

cùng chung huyết thống. Bà cụ thường nở nụ cười mãn nguyện khi được gọi bằng nội, và chú ba cũng bớt đi nét đăm chiêu trên gương mặt khắc khổ. Hẳn ông đang tưởng như mình vừa có được đứa con gái dịu hiền. Phần mình, Hoàng Lan cũng cảm giác như người cha ruột vắng bóng đang hiện thân trong chú ấy, cô phấn khởi hơn lên trong công tác, ngày ngày rảo đôi gót son bé bỏng đi khắp xóm, ấp hướng dẫn bà con trong cách nuôi tôm cùng vài loại sản vật khác như cua, cá. Ngược lại, qua tiếp xúc với cô bác địa phương cô nhận về cho mình những bài học quý giá về sự kiên trì chịu đựng gian khó, nghĩa tình đồng bào, lòng yêu thương xứ sở với những tấm gương hy sinh bảo vệ quê hương.

2. Nửa đêm, trở giấc, cố ngủ lại chẳng được, cô ra bàn mở sách, ngồi khá lâu mà chưa đọc được trang nào. Tiếng rì rào êm nhẹ xa xăm từ hướng biển đưa về mà cô bác gọi là sóng vỗ ghềnh khiến cho lòng cô gái nao nao với bao hồi ức tựa như lần được mẹ bông về xứ biển nào đó để thăm ba, nhưng chẳng may, nhằm lúc ba đi chiến trận. Đó là lần duy nhất. Tiếp theo là dường như má buồn rầu, rồi bị lính bắt, ra tù má đau ốm luôn tới chết.

Lần đó, má dẫn mình ra bãi biển nhặt vỏ ốc, được biết những con dã tràng ngộ nghĩnh, chân dài lêu khêu. Những hình ảnh đó xa xôi, mù mờ quá, sao hôm nay tiếng sóng vỗ ghềnh lại khiến mình buồn da diết, nhớ mẹ, tưởng tượng đến người cha chưa biết mặt, và còn như nghe giận lũ bạn từng chọc mình không cha, dưới đất nẻ chui lên...

Không chủ định, chợt Hoàng Lan đưa mắt qua cửa sổ nhìn ra vuông tôm ở ngoài xa, nơi có chiếc chòi nhỏ mà đêm đêm chú ba ra ngủ canh chừng. Bất giác một ý lạ vụt hiện qua đầu: “Phải chi chú ấy là ba mình”. Phải chăng linh cảm từ quả tim đau khổ đã mách bảo, khiến chỉ qua vài lần tiếp xúc đầu tiên với chú ấy, cô thấy dâng lên trong lòng một niềm kính thương khó định nghĩa.

Nhưng chẳng hiểu sao, qua tình ý, thấy rõ sự tin cậy đối với mình, mà khi hỏi tới chuyện gia đình, chú cứ ăm ớ không nói gì cụ thể, cả đến nguyên quán, luôn là câu trả lời: “Chú đang ở đây tức là dân ở đây rồi”.

Nghĩ ngợi một hồi, chợt Hoàng Lan nghe rõ một tiếng “tách” rất khê giữa sự im lìm bao quanh. Thì ra hai dòng lệ ăm đã tràn khõe mắt lúc nào để nhểu xuống trang sách. Cứ để cho những giọt sầu thông thả rơi, qua màn nước, tim cô lại nhói lên với hình ảnh mẹ lúc lâm chung như hiện ra trước mặt, với đôi mắt đờ đẫn mà cứ dăm dăm nhìn vào cõi vô định, chứa đầy ý tiếc nuối.

Sau đó Hoàng Lan mơn mõi, gục xuống bàn, thiếp dần vào giấc ngủ nặng nề. Mãi tới lúc văng vẳng bên tai, như có tiếng ai gọi: “Con gái, con gái”, cô mới giật mình tỉnh dậy.

Thì ra, chú ba ở vuông tôm vừa về tới, dịu dàng nói: “Sao lại ngủ quên ngoài này vậy, muỗi chích bị sốt rét đó nghe. Đây, chú bắt được cặp cua gạch cho con gái nè, dậy đem luộc cho nội và con ăn đi”.

Lần đầu tiên được chú ba trù mến gọi là con, Hoàng Lan cảm thấy hạnh phúc quá. Từ lúc ý thức được sự thiếu mất tình

cha, cô ngày càng cảm nhận mình bị nhiều thiệt thòi về tình cảm, nỗi tủi thân chẳng lúc nào nuôi. Cô còn đau đớn gấp bội vì sự uẩn khúc của mẹ chưa được giải tỏa. Bà đã chết một nửa vì hậu quả tù đầy, một nửa vì vết thương lòng. Lại còn chua xót, do chỗ mắc mứu đó mà Thương binh Xã hội còn xét nét chưa cho bà được hưởng sự đãi ngộ.

Nỗi niềm kia, mẹ đã gửi gắm lại cho Hoàng Lan, đứa con duy nhất cố tìm cách thanh minh cho bà được thanh thản nơi chín suối. Thế mà, đã mấy năm rồi, với thân gái nhỏ nhoi, cô biết làm gì? Có lúc quá chán nản, cô toan cắt tóc vào chùa.

Nhưng qua nhiều đêm sự đấu tranh, ý chí của tuổi trẻ đã vượt lên. Cô nghĩ: Dù chưa cởi mở được cho mẹ, thái độ tự tin quyết tiến của mình may ra có thể phần nào biện bạch cho người, đáng sinh thành kính thương mà cô xác tín không thể có chút gì mờ ám trong cuộc sống. Bởi thế, cô đã chọn nghề thủy sản để có dịp đi đó đây, sát với bà con, mong gặp cơ hội giải oan.

3. Hôm nay xã tổ chức lễ mừng ngày giải phóng miền Nam với chương trình biểu diễn văn nghệ “cây nhà lá vườn”. Xen lẫn các màn nhiều người sẽ lên kể chuyện truyền thống. Đến dự, có một cán bộ huyện đội vốn đạt nhiều thành tích trong đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh. Vài cán bộ lão thành đã mời ông kể lại đôi kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời chiến đấu. Sau một hồi khiêm tốn từ chối, cuối cùng, thêm nhiều người thúc giục, ông phải nhận lời và xin đứng tại chỗ, khỏi bước lên bục.

Quả thật, tiếng ông sang sảng ấm áp như nói qua micrô, phát âm lại rõ từng chữ, không hổ danh là cán bộ tuyên truyền:

- “Đó là vào thời kỳ sau Hiệp định Paris, Mỹ rút quân, xúi bọn nguy ngoan cố lấn đất, không chịu thi hành các điều khoản ký kết. Một hôm đoàn chúng tôi vô vũ trang tuyên truyền tại thị xã. Đang làm việc, đột ngột bị bọn lính tuần tra phát hiện, vây đuổi. Anh em đều kịp thoát ra, riêng tôi, lạc lối, nhè chạy vào một hẻm cụt. Đang lúng túng, tiến thoái lưỡng nan vì tiếng hò hét của chúng nghe sát bên lưng. Vừa toan trèo đại lên một cây mận để ẩn mình thì có tiếng gọi nho nhỏ: “Ông ơi, lên đó không ổn đâu, vô đây”. Chẳng kịp suy nghĩ lợi, hại, có lẽ giọng nói dịu dàng đã khiến tôi yên tâm mà đi theo như cái máy. Lọt vô căn nhà nhỏ, dưới ánh đèn trứng vịt lờ mờ, tôi chỉ nhận được đây là một phụ nữ lao động, dáng người chắc, khỏe. Và vị ân nhân đẩy tôi ra mé sau nhà, đến đồng cây lá bùm xùm, vệt chỗ trống, bảo tôi chui vào ngồi im. Mười phút sau, tôi nghe tiếng bọn giặc hạch hỏi một lát rồi bỏ đi.

Ép mình chịu trận trong chỗ núp đó đến lúc gà gáy đôi bận, thì chủ nhà bước ra khe khẽ trấn an rồi đưa cho tôi bánh canh giò heo nóng hổi thơm phức mùi hành, ngò, tiêu, tỏi. Rồi khi trời hừng, chị lại ra nguy trang thêm và dặn tôi cứ ở nguyên chỗ, đừng bước ra ngoài, cứ bình tĩnh chờ lúc thuận tiện sẽ liệu tính cho. Nói xong chị còn trao thêm ổ bánh mì để ăn trưa cùng ve nước uống rất thơm tất.

Ở lại đó trọn một ngày, đêm, gần giữa đêm sau, gia chủ bí mật đưa tôi ra khỏi xóm, chỉ hướng cho vượt vòng đai thị xã.

Qua hành động cứu nguy đó, với cả chỗ giấu bí mật không thể nói do tình cờ mà có, tôi cả quyết gia đình này phải là cơ sở của ta. Tuy nhiên gạn hỏi mấy lần, chị vẫn chối, chỉ cho biết xóm chòm gọi mình là chị Tư bánh canh và nơi đó là hẻm X, thuộc đường Y, thế thôi.

Ít tháng sau tôi được phân công hẳn về thị xã, phụ trách nội ô. Ngoài các cơ sở được trên giới thiệu tôi không quên cái địa chỉ trên con đường Y hôm ấy, và lần này mới hay ra, đây là một nút giao bưu của ta vừa bị đứt liên lạc. Biết rõ tôi hơn, chị Tư bánh canh sẵn sàng quan hệ, giúp đỡ cho trong hoạt động giữa lòng địch đầy nguy hiểm. Có bạn, gặp tình huống bất ngờ, chị chẳng ngại lời dị nghị để đóng vai người vợ đưa chồng bệnh ngặt vào nhà thương, giúp tôi qua mắt bọn lính đi lùng sục. Đôi lúc chị còn sánh vai như đôi bạn tình đưa tôi đi nhìn mặt một số tên chỉ điểm để đề phòng... Giai đoạn công tác nội thành rất gay go này quả là đượm tình đồng chí, nghĩa đồng đội thiêng liêng, mãi mãi in khắc trong tim không thể nào quên được...”.

Người kể chuyện vừa dứt lời, bưng ly nước lên thăm môi thì, ông Ba Nuôi đang trầm ngâm lắng nghe vụt đứng lên cất tiếng rất to: “Thế đồng chí có biết gia cảnh người phụ nữ đó không? Chồng, con thế nào?”.

Ngẩng nhìn người hỏi, nhú trán nhớ lại một lúc, ông cán bộ huyện đội đáp: “Không biết rõ lắm, do giữ nguyên tắc bảo mật, không được tìm hiểu gì ngoài công việc của mình. Nhưng... dường như có bạn chị ấy tiết lộ rằng chồng ở lực lượng vũ

trang của tỉnh và đã có mụn con... À, à, một lần nọ gặp người ở quê lên, chị có gửi món đồ, hình như tiền bạc hoặc lá thư mà tình cờ tôi nghe lóm là người nhận tên Hoa hay Hóa gì đó...”.

- “Vậy sao? Đồng chí có nhớ là vào năm nào không?” Tiếng hỏi lớn như thét, như thẳng thốt khiến cả phòng giật mình, chăm chú nhìn vào. Ba Nuôi vừa dứt câu, tựa người bị choáng, buông mình xuống ghế rồi từ từ gục xuống mặt bàn. Một lúc lâu sau ông mới nức nở khóc ròng, càng gây sự kinh ngạc cho mọi người. Giữa lúc đó, Hoàng Lan từ dãy bàn mé kia lại nhào tới ôm chăm chú Ba Nuôi rồi cũng òa lên khóc.

Cả cuộc họp ngơ ngác lặng im, dường tôn trọng giây phút thiêng liêng mà lạ lùng của hai nhân vật trong màn bi kịch bất ngờ. Khá lâu sau, qua cơn xúc động, Hoàng Lan lòn tay vào trong áo, kéo sợi dây chuyền đeo cổ ra rồi bức mạnh mặt mẽ đai đưa cho chú Ba Nuôi vừa gào lên: - “Ba ơi, đây là kỷ vật của má con để lại nè. Hai chữ H-T có phải là Hòa, Thắm là tên của ba, má không? Con là con của ba đây, đứa con bị bỏ rơi ngót 20 năm rồi...”. Trước cảnh bi lụy đó, lắm các bà các chị cũng thút thít khóc theo. Nhiều ánh mắt nhìn nhau như thầm hỏi điều gì.

Chờ cho hai cha con vừa kỳ ngộ tuôn hết nỗi niềm qua nước mắt, qua tiếng nức nở, các cụ lớn tuổi mới tới bên vỗ về an ủi.

Bình tâm trở lại, ông Ba Nuôi đứng lên xin lỗi tập thể vì đã không nén được xúc động, tạo nên cảnh tượng vừa rồi và cho biết vắn tắt rằng: Vợ chồng ông, Hòa và Thắm thành hôn

nhằm lúc Mỹ, nguy ra tay khủng bố phong trào cách mạng miền Nam. Máu nóng thanh niên khiến ông không chịu nổi cảnh ngột ngạt ở đô thị, với sự tán đồng của vợ ông thoát ly ra vùng kháng chiến.

Thương chồng, chị Thắm nhiều bận ra căn cứ thăm, nhưng có lẽ sợ ông lo lắng nên không nói gì tới việc mình tham gia công tác nội thành. Do đó mà những thông tin từ gia đình đưa đến báo là chị Thắm hay đi với một người đàn ông lạ đã khiến ông đau đớn, tức giận. Thay vì bình tĩnh, khôn ngoan hơn để tìm hiểu rõ ràng, đảng này vì quá yêu mà sinh ghen tuông không phải cách. Phần khác, mặc cảm về sự chênh lệch hoàn cảnh xã hội và trình độ học vấn, ông định ninh là bị vợ chê, bỏ.

Từ đó, chẳng tin tức gì với Thắm nữa lại phao lên là mình đã lên miền Đông để cắt đứt mọi chuyện. Ngày giải phóng, với nhiều thương tích trên người, một chân bỏ lại chiến trường, ông càng muốn quên tất cả việc xưa, không trở lại thị xã, nơi cất rốn chôn nhau của mình để về đây chăm lo bà mẹ cô thân của bạn, lấy sự săn sóc bà làm niềm vui như được phụng dưỡng mẹ ruột mà ông đã mất từ hồi còn tấm bé.

Sau lời kể, ông thở dài một tiếng rồi kết luận: - “Bao tai vạ, mất mát đau thương đều từ chiến tranh xâm lược mà ra, đều do bọn tham lam muốn là bá chủ gieo rắc. Chúng ta đã có hòa bình yên vui trong tinh thần hòa giải, xóa bỏ hận thù, thật là hạnh phúc lớn. Trong lúc đó, hàng ngày trên ti vi, chúng ta thấy vẫn còn ở đó, đây lắm cuộc binh lửa, những cuộc xâm

lãng với chiêu bài này, khác của các thế lực phản động quốc tế. Bọn trùm đế quốc chủ nghĩa đã khơi gợi các mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo để tạo nên những cuộc nội chiến, rồi mượn cớ can thiệp vũ trang để đục nước béo cò. Thật đáng hã hùng và xấu hổ làm sao. Nhân dân ta từng chịu bao thương tổn qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, hôm nay, nhân kỷ niệm ngày Đại thắng 30-4 quyết phải bảo vệ hòa bình, không để tái diễn những đau khổ như bao người đã chịu, trong đó có cha, con tôi đây...”.

Nói đoạn, ông quay sang, ôm đôi vai nhỏ của Hoàng Lan và hôn nồng nàn lên trán con gái, lòng nghe dần dần vơi đi bao phiền muộn.

Trại sáng tác văn học 1999

Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Trà Vinh

Cội mai già

Gió bắc thổi về, trời se lạnh. Bị chứng đau khớp kinh niên, ông Hai nghe rêm cả tứ chi, đêm khó ngủ nên thường uể oải trở dậy muộn. Sớm này, mới hơn bốn giờ ông đã xuống giường, nhúm lò nấu nước. Gói trà “Cẩm Ký” loại I, ướp lại vừa gởi mua về chiều qua được pha trong chiếc bình sứ Giang Tây màu da trời bốc hương ngào ngạt. Phồng mũi hít sâu mùi thơm đó mấy hơi, ông nghe người ấm lại.

Rót nước ra ba chun mắt trâu, ông trân trọng dâng cúng lên bàn thờ. Hôm nay rằm tháng chạp là ngày giỗ cụ thân sinh của ông. Cụ mất cách đây ba năm trong sự vật vã đau đớn, hậu quả của những năm tù đầy tra tấn của Mỹ, ngụy.

Cắm lên ba nén nhang, ông quay lại chiếc bàn bên cửa sổ thưởng thức hương vị trà ngon, chỉ thỉnh thoảng mới có dịp dùng đến. Qua vài ngụm, đầu óc nghe sảng khoái, ông lơ đãng đưa mắt ra sân còn mờ mờ sáng. Tầm nhìn bất giác dừng lại ở cội mai già ngoài ngõ. Tàn cây che khuất ánh trăng tà, nổi bật lên thành vùng bóng tối với những nhánh xòe dài ra, lắc lư theo từng hơi gió lạnh khiến ông hơi giật mình, nghĩ đến những điều trùng hợp lạ lùng như một định mệnh.

Gốc mai này, vốn gắn bó mật thiết với gia đình ông suốt ngoài bốn chục năm qua. Nhìn vào nó ông thấy như đang lật từng trang

tập biên niên sử ghi chép mọi buồn vui của đời mình. Cụ nhà vốn thích hoa kiểng, trong một chuyến đi buôn lên Biên Hòa đã tìm mua được nó, thuộc giống quý, cho nhiều hoa đẹp. Và cái năm lần đầu mai đơm hoa đều cảnh là thời điểm ông Hai chào đời. Ông cụ liền khai sanh cho với cái tên của loài hoa trang nhã này để tỏ sự yêu thương với cậu trai đầu lòng. Thuở xa xưa, ở quê đâu có trạm y tế, hộ sinh, gia đình đã rước một bà mụ vườn đến nhà mà đỡ đẻ. Cái nhau của con, được ông cụ vùi dưới gốc mai quý để bón nuôi nó. Cụ không đành lòng đập mở máu thịt của con mình nơi bắn thỉu. Rồi sau này, hai người em kế tiếp của Hai Mai cũng hưởng vinh hạnh như thế đó.

Tuy nhiên Hai Mai chỉ cảm nhận sự gắn bó bản thân với cội mai rất muộn về sau, lúc lên 16 tuổi, khi quả tim trai tơ bắt đầu biết rung động trước bóng hồng của một thiếu nữ dịu hiền ở xóm bên. Anh chàng si tình thường ngày ra gốc mai trước ngõ này đón nhìn cô gái ngang qua. Một hôm, chờ lâu, để giết thời giờ, anh dùng mũi dao “con chó” khắc hình quả tim lên thân mai, bởi nàng tên Tâm. Thật là tình tứ và ý nghĩa, Tâm ở trong lòng Mai. Và đây cũng là một ngày khó quên, cụ nhà bất gặp, quở cho một trận nên thân vì sợ vết dao làm chảy nhựa, hư cây.

Tai ác làm sao, ngay tết sau đó, đang sỡ sỡ, mai lại ra ít hoa, một cái cớ để cụ rầy nữa. Nhưng Hai Mai đã cãi lại: “có sự sống, chắc nó cũng có tri giác như động vật. Mặc cỡ kia, loài cỏ mọn còn biết phản ứng, xếp lá lại khi bị chạm tới, hướng chi cây mai cao cấp hơn nhiều, chắc là tại nó buồn lây với người vì giặc mới tàn phá và dựng bót đồn”.

Ý nghĩ rằng cây cối, ít ra là giống mai quý phái này phải có hồn cứ lảng vảng trong óc Hai Mai. Nhất là mấy năm sau, thua trận Điện Biên Phủ Pháp phải rút quân về nước thì đến tết Ất Mùi

(1955) kế đó, cội mai nhà lại trở vàng rực, dày đặc như cùng vui mùa hòa bình với xóm thôn.

Năm mà Pháp chiếm đóng xã, Hai Mai thoát ly ra khu du kích trong khi người bạn lòng theo cha mẹ tản cư ra chợ huyện. Ngày yên giấc, quay về chốn cũ, anh liền ra ve vuốt gốc mai, bấy lâu xa cách. Một bất ngờ lý thú, hình khắc hồi nào vẫn còn nguyên đường nét, lại rộng lớn thêm theo sự phát triển của cây và gồ cao lên thành sọc như một quả tim chạm nổi rất đẹp, lưu dấu mối tình bền chặt Mai, Tâm. Cùng năm, hai người nên vợ nên chồng.

* * *

Cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng. Pháp vừa rút đi thì Mỹ nhảy vào, xúi giục tập đoàn gia đình trị họ Ngô phá hoại hòa bình, bắt bớ những người kháng chiến cũ. Chúng cấm băng đen trước những nhà có thân nhân đi tập kết, các gia đình có quan hệ với cách mạng để cô lập, ly gián.

Trong một chiến dịch tố cộng tại xã, chúng bắt được mấy cán bộ liền gom dân lại nhà của Hai Mai, vốn có cái sân rộng.

Núp sau cánh cửa, Tâm nhìn trân trân vào số anh em bị còng xâu chung với nhau đang ngồi rũ rượi, mình đầy bùn đất, mặt sưng húp, bết máu. Đang rối lòng lo lắng thì một tên lính xộc vào, kéo chị ra trước đám đông. Một tên “công dân vụ” mặc đồ đen nửa lai bà ba, nửa lai xá xẩu rất quái dị bước ra tuyên truyền láo toét, xuyên tạc cách mạng, ca tụng Mỹ, Diệm một lúc rồi quay sang Tâm, bảo chỉ nơi trốn của Mai và khai chức vụ những người vừa bị bắt.

Qua mấy lượt hỏi vặn dọa nạt, chị vẫn lắc đầu không biết. Diên tiết, chúng trói chặt hai tay chị ra sau, choàng vào cây mai để chờ nghe những người khác nói. Theo tấm gương can đảm,

chẳng một ai hé ra điều gì. Cuộc tố cộng thất bại ê chề. Cay cú, tên “công dân vụ” gốc lính kín của Pháp sấn tới đám thù thù vào mặt vào người của Tâm, vừa chửi tục rồi cả bọn kéo đi với lời hăm dọa vu vơ.

Bà con ập đến mở trời vừa lúc chị nghèo cổ xuống, bất tỉnh. Sau một hồi chạy chữa, Tâm dần dần lấy lại tri giác thì đến cơn rên rỉ đau bụng, rồi cái thai ba tháng tuôn ra khỏi lòng bà mẹ trẻ bất hạnh. Đang chiến dịch, chúng cấm mọi sự đi lại. Bà con phần nộ, ráo riết xin được đưa nạn nhân đi bệnh viện. Giằng co đến mấy tiếng, khi chúng ưng thuận thì đã muộn. Huyết ra quá nhiều, Tâm trút hơi thở cuối cùng trước sự uất hận của mọi người. Mãi khuya lại, Hai Mai mới lần dò từng bước về tới để ôm xác vợ, khóc nức nở.

* * *

Bởi thế ông Hai xem cội mai lưu niên này như một phần máu thịt của người thân, một phần hồn của mình. Ngại nó đau đớn, chẳng bao giờ ông đang tay cắt một nhánh, dù để chưng trên bàn thờ.

Liên tiếp trong ba bốn mùa qua, không hiểu do biến động của khí hậu, môi trường bị nhiễm chất lạ hay là sự xáo trộn tự nhiên về sinh lý như ở con người cao tuổi mà da bị trở đổi mỗi cây mai thân thiết lại cho những hoa trắng, mỗi năm lại nhiều thêm.

Hồi tết năm rồi, một tay gặp thời mà phát nhanh, mới xây xong ngôi nhà đồ sộ kiểu vờ lộng lẫy, nổi bật lên giữa huyện lỵ, nghe đồn về cây bạch mai đã tìm đến, xin được ngắm nghía. Không biết là do tính hợm của hay thủ thuật của người kinh doanh thời cơ chế thị trường, cần phô cái mã giàu sụ để làm ăn, gã phú thương đã bạo miệng xin được nhượng lại. Chủ nhà nghe nóng

mặt nhưng lịch sự đáp rằng đó là kỷ vật quý của mình, không bán được.

Vậy mà hần tiếp tục đến hai lần nữa, bạn chót với cái giá nâng vọt lên năm triệu. Để chấm dứt sự quấy rầy, ông Hai Mai nói: “Xin lỗi, dường như anh bạn trẻ chỉ biết hiện tại, cứ hưởng mâm cỗ ngon được dọn sẵn chứ không nghĩ tới công khó của người làm ra. Nhà nước dám bỏ cả bạc tỷ để trùng tu bảo vệ mỗi di tích lịch sử bởi đó là chứng tích của cuộc đấu tranh hào hùng, là di sản văn hóa, là lời nhắn nhủ với muôn sau. Riêng tôi, cũng có những kỷ vật, những điều lưu niệm quý giá không bao giờ quên được, không thể đổi bằng bạc vàng... Anh bạn trẻ nên gẫm lại lời tôi mà đừng làm phiền nữa...”.

Chừng như anh chàng có phần thấm ý hay ít ra bắt đầu có sự suy nghĩ với lời nói của ông Hai nên đã liên hồi chớp mắt, thỉnh thoảng gật gật đầu. Cuối cùng gã xin lỗi về sự mạo phạm rồi chậm bước ra cổng.

* * *

Sáng 25 tháng chạp, ông Hai đội nón đi ra xã, dù vội nhưng ra đến ngõ, ông phải dừng lại, say đắm nhìn mấy chòm mai vừa nở sớm. Vài chiếc trắng phau như bẽn lẽn giấu mặt sau các hoa vàng tươi, có đóa mạnh dạn nhô lên khỏi đồng lúa mà nhẹ nhàng lắt lay theo gió tựa chào mừng và thì thầm tỏ lời cảm ơn người có công chăm sóc mình. Bất giác ông Hai khẽ cúi đầu hôn nhẹ một chòm hoa là đà dưới thấp rồi đưa tay âu yếm vuốt lên hình khắc quả tim. Từ đôi mắt mơ màng, hai hàng lệ ấm dần tuôn xuống má...

Trong cuộc nói chuyện của đoàn cán bộ về thăm gia đình cách mạng ở xã dịp xuân sang, người trưởng toán báo cáo rằng nhà truyền thống của địa phương vừa xây xong, dự định ra giêng

sẽ có người lên miền Đông mua một số cây cảnh về trồng trang trí, nhất là tìm một loại cây sống lâu năm, có tàn đẹp đặt ở giữa sân.

Nghe xong, ông Hai trầm ngâm một lát rồi đứng lên xin hiến gốc mai thân thiết của mình. Có ý kiến tỏ ra ngần ngại vì đây là kỷ vật quý của ông, lại đã có người đề nghị được mua với giá năm triệu, nhưng quả quyết, ông Hai đáp:

“... Không chắc hẳn là nó sẽ biến đổi thành mai trắng thực thụ, song cây mai này là giống quý, có thể sống đến một trăm năm, cho nhiều hoa đẹp. Đặc biệt là nó có hồn, tôi tin thế, bởi đã nhiều lần nó biết cùng vui buồn với xứ sở. Tôi xem đây là một chứng nhưn dù thâm lặng của bao sự việc xảy ra ở địa phương và bản thân nó cũng hứng chịu lắm đau đớn với nhiều thương tích trên mình, còn viên đạn nằm sâu trong thớ gỗ. Nó xứng đáng được về nhà truyền thống điểm tô thêm cho nơi trưng bày các chứng tích của cuộc đấu tranh hào hùng vừa qua. Tôi đã suy nghĩ và sẵn sàng đóng góp kỷ vật vừa riêng vừa chung này cho huyện. Đầu mùa mưa tới, các anh cứ cho người về bứng sớm, đem lên trồng...”.

Ông Hai Mai dứt lời, từ từ ngồi xuống. Cả phòng họp im phắc, không một tiếng vỗ tay như thường lệ, sau khi có người phát biểu. Một sự xúc động mạnh như dòng điện chạy khắp tim óc mọi người, sau khi nghe qua bao sự việc quanh cội mai già. Chợt ông trưởng đoàn của huyện bước nhanh tới ôm choàng người đồng đội xưa mà siết chặt tay vừa nói: “Anh quả là mẫu người đáng đưa lên làm bài học sống động cho lớp trẻ và cả cho chúng tôi”.

Cùng đội ngũ

1. Cô gái “Ủa” lên một tiếng với âm sắc mừng rỡ và toan bước tới. Kịp thấy cái nháy mắt của chàng thanh niên, nhanh trí lấy lại câu hỏi: - “Anh này là ai vậy ba?”

- “Con mới về đó à? - Người cha đáp - thằng đó là lao công đào binh, ba nhận về làm việc cho nhà mình. À con muốn ăn gì, bảo thằng bếp Năm đi chợ mua thêm, còn đồ đặc, giao cho thằng Toàn khi nãy giặt cho. Thôi, ba phải đi đến sở đây. “Nói xong ông bước ra chiếc jeep rồ ga.

Toàn và Tú cùng học đại học Cần Thơ. Dù khác lớp, nhưng họ thân nhau qua các cuộc đấu tranh của sinh viên. Gần một năm trước, anh bị bắt và bị đẩy vô quân trường. Chưa xong khóa, anh bỏ trốn rồi bị bắt trở lại, đưa làm lao công chiến trường, nguy hiểm không thua lính xung trận. May mắn Toàn được viên thiếu tá, ba của Tú lãnh về làm việc ở nhà, đỡ tốn tiền mướn nhân công.

Giấu thân thế, anh làm ra vẻ khù khờ, cần cù, rậm rạp làm theo mọi sai khiến của vợ, chồng viên sĩ quan. Anh không để mắt tới báo chí đưa đến mỗi ngày, rập tằm, làm một tình báo viên độc lập khi biết chủ nhà là tham mưu trưởng của tiểu

khu, kiên nhẫn mai phục chờ bắt liên lạc với đoàn thể. May mắn và bất ngờ lại gặp Tú ở đây.

Điều trở trêu, hai bạn cùng chí hướng phải đối mặt nhau trong cảnh người chủ, kẻ tớ. Thoạt đầu cô gái rất ngỡ ngàng, băn khoăn sợ bạn nghi ngờ tâm huyết của mình: “- Chắc là Toàn đội lắm phải không khi biết tôi là con của một thiếu tá nguy quân. Chiến tranh dai dẳng mấy mươi năm, ở trong vùng kềm kẹp khó lắm. Ba mình trước cũng làm ăn, dân đã hoàn cảnh éo le buộc ông phải khoác áo lính Sài Gòn. Nhưng ông hiền lành không cố tình theo Mỹ hại dân, bạn yên tâm. Toàn biết đó, vì mặc cảm thân phận mà lắm lúc Tú đã có thái độ quá khích, liều lĩnh trong đấu tranh, bị các anh phê bình mấy bạn.”

Đối chiếu biện minh của bạn với thái độ thường ngày của người cha, Toàn thấy yên dạ. Đôi bạn tìm cách liên hệ với cơ sở tại nội ô để đặt hộp thư mật cho Toàn thông báo ra ngoài những tin tức góp nhặt được qua các sĩ quan đến chơi, nhậu nhẹt và kháo với chủ nhà.

Phần Tú, từ hôm gặp Toàn hay tạo cơ về thăm gia đình thường hơn để an ủi bạn trong nghịch cảnh, cô lập với xung quanh. Đường từ Cần Thơ về đây có bao xa mà mỗi bạn quay lại trường, cô phải len lén đưa ánh mắt buồn hiu, chứa chan bao tình cảm rối bời từ già bạn.

Rồi chiến sự ngày càng khẩn trương. Quân Giải phóng chiếm Ban Ma Thuật, Đà Nẵng, Phan Rang, Long Thành... Trường đại học đóng cửa, Tú về hẳn ở nhà. Lần này cô bí mật trao cho Toàn chiếc Radio nhỏ dạng bỏ túi.

2. Đã gần nửa đêm, giữa yên ắng, gian phòng của viên thiếu tá bỗng sáng đèn. Bà vợ mang ly sữa tới, ngạc nhiên thấy chồng bình thản ngồi hút thuốc. - “Mình khỏe rồi à?” Và có tiếng đáp: - “Ồ có bệnh hoạn gì đâu, cáo ốm để nằm nhà vài bữa vậy mà.”.

Thình lình mấy tiếng nổ lớn từ sân bay vọng về. Tiếp theo là hàng loạt liên thanh rộ lên tứ phía. Bà chủ quýnh quýnh chạy sang phòng con gái vừa lúc Toàn và Tú đã bước tới cửa khiến bà kinh hoàng hơn, tưởng Việt cộng đột nhập. Cô gái vội trấn tĩnh mẹ: “Con là Tú đây mà. Con và anh Toàn đến nói chuyện với ba, má yên tâm, chẳng có việc gì đâu. Rồi anh lao công đào binh tiếp lời bạn gái:

- “Trước hết cháu xin cảm ơn thiếu tá đã nhận cháu về đây, khỏi phải vác đạn ra trận nguy hiểm. Xin thưa, cô Tú và cháu đây là cơ sở của Cách mạng, hôm nay là giờ chót của chế độ Sài Gòn, tay sai đế quốc Mỹ. Quân giải phóng tiến như thế nước lũ, không quân cách mạng dội bom vào Tân Sơn Nhất chiều hôm kia. Đề nghị thiếu tá, vì tình đồng bào, dân tộc, hãy đứng về phía chính nghĩa, đừng kháng cự, thiệt hại thêm cho xứ sở. Hành động thức thời của ông sẽ được ghi nhận.”

Nghe xong, viên tham mưu trưởng cười hiền lành, đặt lên bàn một tờ giấy. Nhìn qua bút tích, Toàn kinh ngạc nhận ra nét viết, chữ ký là của cha mình. Anh còn đang ngơ ngác, viên sĩ quan cất tiếng thân mật:

- “Cháu đã rõ là của ai rồi. Vấn tất thế này, anh Tám ba cháu với chú là bạn chí thiết. Chú nhất không dám làm anh hùng cứu nước và nghịch cảnh buộc phải mặc áo nguy quân,

nhưng luôn quyết tâm tránh làm hại nhân dân. Chú tìm lãnh cháu về đây cũng do yêu cầu của ba cháu. Hôm qua, nhận được thư này của anh Tám chú giả bệnh để ở nhà, đã soạn hết hồ sơ mật của tham mưu tiểu khu để trong cặp ở góc bàn kia, chờ trao lại cho các ảnh. Còn các sĩ quan thuộc quyền, chú đều sai phái phân tán về các quận. Giờ đây hành dinh chỉ còn lại cái nhà trống thôi...”

Tú đang chăm chỉ nghe chột reo lên: - “Trời ơi, hay quá, vậy mà bọn con cứ ngỡ...”. - “Ngỡ ba là Việt gian phải không?” Người cha tiếp lời con gái với nụ cười đôn hậu.

Một không khí ấm áp tình quê hương, đồng bào vụt dâng lên lan tỏa khắp gian phòng.

Chợt lại có bóng người xuất hiện ở cửa, cũng với băng đỏ ở cánh tay trái như Toàn và Tú. Đó là anh Năm nấu bếp. Anh từ ngoài phố tranh thủ chạy về định kêu gọi thiếu tá, nào ngờ mọi việc đã diễn ra rất đẹp.

Biết cùng là đồng đội, họ vui mừng ôm chầm nhau và bất giác đều rơi nước mắt. Trước cảnh tượng thiêng liêng đó, viên thiếu tá bồi hồi xúc động tự trách thầm: Phải chi mình đừng hèn yếu để giờ đây được hãnh diện đứng thẳng người dưới lá cờ chiến thắng vẻ vang.

Ngoài phố vọng về tiếng rầm rập của quần chúng xuống đường và loa của Quân Giải phóng kêu gọi binh lính ngụy buông súng về với chính nghĩa dân tộc.

Chiếc phao

Tiến cố quên chuyện hồi chiều để ngủ. Vậy mà cứ trằn trọc cả tiếng vẫn còn tỉnh queo. Hưng là thằng em út được anh đưa vào làm chung. Vừa rồi, nó cầu thả làm đổ can dầu, chảy lênh láng. Giận quá anh xô mạnh vào lưng giục đi lau chùi. Không biết quấy, thằng ngỗ nghịch đó còn sừng sộ lại. Lúc đó Tiến giận xanh mặt muốn xông tới bóp cho mấy cái, nhưng đã kịp nén cơn nóng nảy. Hồi còn ở bộ đội, anh rất thương yêu chăm sóc chiến sĩ dù có tánh Trương Phi. Các tân binh đều sợ sự phạt vạ của anh.

Mãi lâu sau, mòn mỏi, Tiến thiếp đi lúc nào không hay. Đang ngon giấc anh chợt nghe có tiếng gọi và ai đó nắm chân lắc mạnh. Dụi mắt ngồi dậy, anh đã nghe tiếng người lao xao trước mũi thuyền và thằng Hưng nói vọng vào:

- “Anh Tiến ơi, có tin mới. Bão đang chuyển hướng về phía mình, sức gió mạnh lắm”.

Nguồn tin làm cho cơn buồn ngủ bay nhanh, Tiến định thần, lắng tai nghe ngóng. Hình như gió đang thổi lên hướng Bắc có phần dịu lại, chuẩn bị đón cơn bão sắp ập xuống phía Nam. Mười lăm phút sau, nghe đài nhắc lại, anh ra lệnh nhổ neo cho tàu về đất liền.

Trời đầy mây, biển đen sẫm. Thuyền chạy được chừng hai tiếng thì gió lạnh dần lên mỗi lúc càng thêm mạnh, sóng âm ào chồm lên rồi đập xuống. Con thuyền lắc lư, chuyển mình nghe răng rắc. Nước tràn lên boong, vỗ vào ca-bin từng phát chát chúa như búa bổ.

- “Nước tuôn xuống khoang dữ lắm rồi”. Tiếng anh tài công thét lên. Tiến bám theo be lần tới nắp hầm quan sát. Tối om om chẳng thấy gì, nhưng rõ ràng là nó lay động nghe óc ách theo nhịp lắc của con thuyền. Anh ra lệnh nổ máy bơm đưa nước ra.

Chiếc tàu năm mươi tấn giữa cơn giận dữ của đại dương chẳng khác quả trứng vịt trong nồi nước sôi, bị dôi lên, đập xuống liên hồi. Có lúc nó như cưỡi trên đầu sóng để rồi vụt một cái hụp xuống giữa những bức tường nước cao năm sáu mét, găm gù như muốn nuốt chửng nó đi.

Không còn ai có thể đứng thẳng được. Cả thủy thủ đều ngồi thụp xuống, ghì chặt thành tàu dưới ánh sáng le lói của bóng đèn tròn bốn mươi oát còn chịu trận nổi với gió giông. Sáu cặp mắt nhìn nhau thần thờ. Không ai thốt lời nào, chừng như sợ Thủy thần đang rình rập, nghe thấy. Chỉ có anh tài công vẫn cố giữ vững tay lái không cho thuyền lệch qua bên nào để bị lật úp.

Cuộc chiến đấu với sóng, gió đã ba giờ hơn, ai nấy đều mệt lả bởi âu lo và bị nhồi lắc.

Thình lình, một tiếng “rắc” đanh gọn đánh tỉnh tởm người. Nhưng họ chưa kịp nhìn về nơi phát ra âm thanh thì nước tràn như vỡ bờ. Một mảng gỗ ở hông thuyền bị sóng đập bung ra.

Tiến mò đến xem vừa gọi anh em mang những tấm lưới cá trên boong ém lại, song chẳng kết quả, lỗ phá quá lớn. Nước ào vô mỗi lúc càng dữ, nổi khiếp đảm lan khắp mọi người. Tiến với cương vị đội trưởng vẫn giữ bình tĩnh khuyên anh em đừng nhốn nháo, chuẩn bị rời thuyền trước cảnh tuyệt vọng.

Con thuyền xấp nước đã nặng trĩu xuống, bớt lắc lư giúp cho toán ngư phủ kịp kết mọi thứ đồ còn có thể tìm thấy thành một chiếc bè mong manh. Cuối cùng, họ cũng lao xuống nước, ôm chiếc phao tập thể đó và bị sóng đẩy nhanh ra xa khỏi nơi xuất phát. Trong đêm tối. Tiến vẫn cố căng mắt nhìn lại con thuyền thân thương trước khoảnh khắc nó bị sóng nhận chìm.

Giữa tiếng sóng ầm ào, người đội trưởng can đảm ấy luôn thét lên động viên anh em vững chí, cố bám phao. Cả toán đều lạnh cóng, rã rời thân xác, dường như họ chẳng còn suy tư gì nữa, chỉ ghì níu chiếc bè do phản xạ từ bản năng mà thôi.

Sóng dâng mỗi lúc càng dữ dội hơn. Khi vòm trời hơi trống mây vì gió mạnh, ngỡ là điềm lành, dè đâu đó chính là giờ phút định mệnh. Nhiều mảng nước lạnh buốt liên tiếp đập xuống lớp ngư phủ bất hạnh. Chiếc bè bung ra, họ tan tác đi mọi phía theo dòng nước phũ phàng.

Bỗng chân anh bị va mạnh đau điếng. Mở mắt ra thì trời đã mờ mờ, trước mặt Tiến chừng sáu bảy mét, mấy trụ đáy đang run rẩy ngã xiêu về một phía. Anh cố bơi tới đó nhưng cứ bị sóng nhồi tới nhồi lui. Sau cùng, may mắn, một luồng đưa mạnh anh tới trụ cuối cùng và Tiến đã kịp lúc vớ được sợi dây kẽm, rồi phăng lần tới trụ gỗ to. Sẵn mấy sợi dây thừng đứt

lòng thông, anh với lấy, quán người dính vào cột đáy, phòng bị sút tay ôm.

Được thời gian gọi là bình yên này, anh cử động làm ấm lại chân tay đã lạnh cóng đến gần như tê dại. Tiến định thần dưỡng sức chờ tiếp tục cuộc nổi trôi trên sóng vì mấy cọc đáy vẫn cứ lung lay chờ tróc gốc cho nước cuốn đi.

Giữa thời khắc ngắn ngủi tạm yên này, anh chợt nhớ tới vợ yếu, con đau, thử tưởng tượng gia cảnh sẽ thế nào nếu biển cả không buông tha cho mình... Nếu như may mắn sống sót thì thuyền đã chìm rồi, lấy gì để đi khơi nữa. Chủ mất của cũng tội nghiệp mà mình lại không việc làm bởi biết bao tàu ghe khác sẽ chịu chung số phận, cũng như những đáy sâm này. Là dân xứ biển, còn biết cách làm gì khác khi tiền không có để đi buôn, đất cũng không để trồng trọt...

Đang nghĩ ngợi miên man, anh chợt nghe tiếng người vọng tới. Ngó quanh một lát, giữa những đợt sóng cuộn trào, Tiến bắt gặp chiếc áo sơ mi màu tím, bất giác thốt lên: "Lại là thằng Hưng". Dù sao, anh cũng muốn tiếp cứu nó, nhưng chẳng phương cách nào cả, đành thét lên gọi nó cố bơi về với mình.

Hưng chấp chới một lúc lâu và cơ may lại đến, gió đưa tấp sát chỗ Tiến để anh kịp nhanh tay níu được lưng áo nó. Ngay lúc ấy, Hưng lụp chụp thế nào mà sóng cuốn mất tám ván thuyền nó giữ được khi bè bị bung rã.

Có đến hai giờ đồng hồ trôi qua từ lúc Tiến bám được nọc đáy mà vòm trời vẫn chỉ sáng mờ mờ với lớp mây đen gần là sát mặt nước. Trụ gổ cứu sinh này cứ bị sóng gió đẩy cho xiêu dần, xiêu dần.

Nhìn mặt nước cuộn cuộn đến chóng mặt. Hưng sợ hãi nhìn lại đôi tay không của mình rồi đưa ánh mắt chăm chăm vào chiếc can của Tiến. Giây sau nó thiếu não buông lời: “Chắc phải chết mất anh Tiến ơi”.

Xúc động trước sự thần thờ của cậu bé mới vừa thành niên, dường như quên đi bản thân, Tiến nhìn thẳng vào nó nói: “Đừng quá sợ, mất tinh thần lúc này nguy hiểm lắm”. Ngưng lại một chốc, có lẽ để suy tính, đoạn đột ngột, tay tháo dây buộc, giọng anh đánh sấm như mệnh lệnh: “Lấy can nhựa của tao đây, cố can đảm và dưỡng sức, tin là em sẽ được cứu hộ”.

Giương mắt ngạc nhiên, Hưng lắc đầu: “Sao vậy, phao của anh mà. Còn chị Tiến, thằng Công sẽ ra sao?” - Đừng lo - Tiến đáp dứt khoát - Chị em sẽ đủ nghị lực và con anh đã lớn rồi. Còn em mà không trở về chắc má Năm sẽ ngã quy mất. Tội nghiệp thân già, má đã hy sinh nhiều, cống hiến hai con cho kháng chiến rồi. Còn lại em, Út Hưng, em phải sống cho má vui những ngày cuối đời...

Nói xong hết ý nghĩ của mình giữa tiếng sóng gió ì ầm, đưa ấn chiếc can vào tay Hưng trước nét mặt sững sờ và hai dòng lệ ở khóe mắt cậu bé, Tiến lại giục: “Cầm lấy nhanh lên... em phải sống, má Năm đang chờ... chào, can đảm...”

Dứt câu anh phóng xuống nước với tư thái oai dũng của người đội trưởng, một cựu chiến binh từng đối mặt với kẻ thù. Cùng lúc, trụ gỗ ngã đánh rầm bắn nước tung tóe. Hưng ôm phao cố bơi theo vị cứu tinh vừa thét lên nức nở: “Anh Tiến ơi! Anh Tiến ơi”.

Tiếng gào thương xót của nó mất hút giữa sóng gió vô tình. Bão vẫn thổi dồn dập. Bầu trời và mặt biển xám xịt như xấp lại liền nhau, đồng lõa giáng đòn chí tử xuống những ngư phủ đáng thương.

Có kinh nghiệm nhiều năm đi biển, chỉ vồn vện với chiếc áo phòng hộ kết nút làm phao, Tiến trầm tĩnh thả trôi trên sóng, không cần phí sức dù tình thế là vô vọng nhưng anh vẫn giữ niềm tin vào một cơ may.

Những mảnh ván, thùng rỗng từ các con thuyền chìm nào đó cứ trôi ngang - Và như có một phép mầu, một cái phao đúng qui cách trở tới ngay tầm với của Tiến. Anh sung sướng đến trào lệ, càng thêm tin tưởng vào sự sống còn.

Bầu trời từ từ rã mây, sáng dần ra. Gió dịu bớt. Cuối cùng một chiếc thuyền may mắn thoát nguy lướt tới, Tiến được vớt lên.

Về tới bến, giữa đám đông mong đợi người thân, Hưng chợt hiện ra mặt mày còn hốc hác. Thấy Tiến, cậu bé nhào tới ôm chầm ân nhân mà khóc òa lên vừa kể lể như đứa bé.

Một cụ già cũng xúc động, buộc miệng thốt "Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân".

MỤC LỤC

TẬP TRUYỆN & KÝ “CHIẾC NÓP” CỦA HÀ PHƯƠNG

1. Đường lên chiến thắng	5
2. Về lại Mỹ Long	11
3. Cái Già một căn cứ kháng chiến trước mũi địch	20
4. Một xã đội kiên cường	30
5. Làng hoa Long Bình	34
6. Vài nét Tiểu Cần	37
7. Cây tầm vông vạt nhọn	43
8. Chiếc nóp	51
9. Giữa dòng nghiệt ngã	60
10. Người bạn cũ	66
11. Kỳ ngộ	72
12. Cội mai già	83
13. Cùng đội ngũ	89
14. Chiếc phao	93

chiếc nóp

Tập truyện & ký HÀ PHƯƠNG

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÀ VINH

Xuất bản năm 2003

